



## **ĐƯỜNG ĐI CỦA PHẬT**

**Giới Thiệu về Phong Trào  
và Tinh Thần Bất Bộ Phái *Rimé***

*“Một bậc hiền minh sẽ có niềm tin nơi giáo lý của tất cả các dòng phái, sẽ yêu quý Giáo Pháp tìm được trong mỗi dòng phái đó. Giống như một bà mẹ thương yêu tất cả những đứa con của bà.*

*Sự khác biệt giữa Phật tử hiền minh và Phật tử bộ phái thì giống như sự khác biệt giữa sự bao la của không gian và sự chật hẹp của một cái bình.”*

*Jamgon Kongtrul Rinpoche đệ Nhất, Lodro Thaye  
(1813-1899)*

## **Phong Trào Bất Bộ Phái Rimé Trong Truyền Thống Phật Giáo Tây Tạng**

*Khentrul Rinpoche*

### **Rimé là gì ?**

Một vài người có thể nghĩ rằng Rimé (Rimed, đọc là Ri-mê) là một truyền thống riêng biệt trong Phật Giáo Tây Tạng, hay đó là một truyền thống mới, tách biệt khỏi tám dòng truyền thừa hay năm truyền thống lớn. Cả hai điều này đều không đúng. Thật ra, đây là một phong trào được khởi xướng [bởi các ngài Jamgon Kongtrul đệ Nhất, Lodro Thaye, cùng Jamyang Khyenste Wangpo và Chokyur Nyima] vào cuối thế kỷ 19, *nhằm đánh giá sự khác biệt giữa các tông phái Tây Tạng và thừa nhận tầm quan trọng của sự*

TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

*khác biệt này để mang lại lợi ích cho các hành giả với những nhu cầu khác nhau. Các bậc thầy*



Jamgon Kongtrul  
(1813-1899)



Jamyang Khyentse Wangpo  
(1820-1892)



Chogyur Dechen Lingpa  
(1829-1870)

Rimé hoặc là đã được dạy dỗ theo một truyền thống riêng và qua chứng ngộ của mình, các

ngài nhận thấy rằng những điều cốt lõi của truyền thống này cũng có giá trị như các truyền thống khác, hoặc họ đã thành tựu được những hiểu biết uyên thâm từ tất cả các truyền thống khác nhau.

Các bậc thầy Rimé vĩ đại như ngài Jamgon Kongtrul và ngài Jamyang Khyentse Wangpo không từng học một truyền thống đặt biệt nào gọi là Rimé cả. Thay vào đó, các thầy ấy đã thọ nhận giáo lý từ dòng truyền thừa đặc thù của riêng mình, và rồi đã nhận ra được sự tương đồng giữa các tông phái Phật giáo khác nhau tại Tây Tạng. Ví dụ, ngài Jamgon Kongtrul đã tiếp nhận truyền thống tu tập của Kagyu, trong khi ngài Khyentse Wangpo nguyên thủy lại là người nắm giữ dòng Sakya. Cũng có rất nhiều bậc thầy Rimé của dòng Nyingma như ngài Patrul Rinpoche và Jigme Tenpe Nyima. Trong truyền thống Jonang cũng có rất nhiều các bậc thầy Rimé-pa vĩ đại, như ngài Kunga Dolchog, người mà ngay từ rất sớm ở giữa thế kỷ 15 đã tổng hợp các phương pháp tu tập và quán đánh của từng truyền thống Phật giáo Tây Tạng trong tài liệu *Jonang Tridgyapa* (tài liệu mang tên này vì được soạn bởi một lạt ma thuộc truyền thống Jonang).

Sau này, ngài Jamgon Kongtrul Vĩ Đại đã sử dụng tài liệu này để làm nền tảng và soạn một tài liệu khác chi tiết hơn, *Rinchen Terzod*.

Cũng vậy, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 được dạy dỗ và giáo dục theo truyền thống Gelug. Tuy nhiên, giờ đây ngài được tôn vinh như một người không chỉ thấu hiểu mà còn chứng ngộ được quan điểm của tất cả các truyền thống Tây Tạng mà ngài đều tôn trọng như nhau. Vì vậy chúng ta thực sự có thể nói rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma là một bậc thầy Rimé vĩ đại, chứ không chỉ là người đứng đầu Tông phái Gelug.

Tôi đã nhận được sự giáo huấn từ nhiều bậc thầy khác nhau, nhưng đặc biệt chí thành đối với ngài Jonangpa Kyabje Lobsang Tinley, là người chỉ sống tại tu viện Jonang. Mặc dù ngài chỉ học theo giáo huấn Jonang, và qua các chứng ngộ của chính mình, ngài đã quán triệt được quan điểm của tất cả các truyền thống và đã gặp được rất nhiều học giả, là những người có những ấn tượng sâu sắc với hiểu biết rộng lớn của ngài.

**Tại sao phong trào Rimé quan trọng ?**

Theo truyền thống, các hành giả Phật giáo Tây Tạng nhấn mạnh về tầm quan trọng của các quan điểm và các giáo lý khác nhau thông qua dòng truyền thừa riêng của họ; điều này rất quan trọng để gìn giữ tính xác thực của các giáo huấn. Thêm vào đó, rất nhiều hành giả sẵn sàng dành cả đời mình trong một tu viện, đồng thời dành toàn bộ thời gian và sức lực để tu học thấu đáo những gì đã được truyền dạy theo truyền thống riêng nên họ không còn thời gian để khám phá điều gì khác. Vì những phong tục như thế này mà có nguy cơ là có một số các hành giả không thể nào cảm thấy cởi mở đối với các quan niệm khác; họ [khép kín] trước những giá trị tốt đẹp của các truyền thống khác. Có một vài câu chuyện nực cười, ví dụ như câu chuyện của một vài vị Geshe theo truyền thống Gelug; đây là những hành giả thực hành pháp Dzogchen một cách bí mật, và sau đó, thì họ phải nhận lãnh những lời chỉ trích khi bị phát hiện ra là họ đang thực hành theo các hướng dẫn của dòng Nyingma.

Một lý do khác làm cho tinh thần Rimé trở nên quan trọng là bởi vì sự liên hệ giữa các tu viện có thể bị hạn chế và một vài tu viện có khuynh

hướng sinh hoạt độc lập theo khuôn mẫu chừng mực nào đó. Chẳng hạn như, không giống như ở các nước phương Tây, việc đi lại ở [Tây Tạng] rất hạn chế, không có điện thoại, không có máy truyền hình, và không có báo chí. Do đó, hiếm có các cơ hội để có thể khám phá và phát triển lòng tôn trọng đối với các truyền thống khác [ở ngoài khuôn khổ tu viện của mình] - việc ấy trở thành rất là hạn chế.

Thêm vào đó, có rất nhiều học giả uyên thâm đã phê phán về quan niệm của các truyền thống khác với một dụng ý vị kỷ là giúp cho đệ tử của họ đánh giá cao các giáo huấn riêng của mình. Tuy nhiên, điều này đôi khi trở nên hơi thái quá, và một vài đệ tử có thể nuôi dưỡng thái độ cho rằng các truyền thống khác, trong một cách nhìn nào đó, là thấp kém. Quan điểm riêng của tôi là có một vài học giả Tây Tạng đã trở nên ham thích cách tiếp cận của một số bậc thầy Ấn Độ vĩ đại và sau đó cố gắng tranh đua với các bậc đại sư này bằng cách phê phán các truyền thống khác. Tuy nhiên, thái độ phê phán rất chân thành của các bậc thầy Ấn Độ phải được tiếp cận trong bối cảnh của các cuộc tranh luận lớn giữa các tín đồ Bà La Môn (Hindu) và các Phật



tử, với kết cuộc là phía những người thua cuộc sẵn sàng chấp nhận luận điểm của phía kia. Ở Tây Tạng, vì tất cả mọi người đều có chung một quan điểm Phật giáo nhất quán, nên có lẽ là ta chẳng cần phải xoáy mạnh một cách thái quá vào các dị biệt mơ hồ, mà thật sự các điểm dị biệt vi tế này chỉ là cách cách mô tả khác nhau những chứng nghiệm giống nhau. Cũng bởi vì tất cả các lý do [tranh đua phê phán như trên] nên các Phật tử cảm thấy rất khó khăn để có thể nhìn nhận được rằng tất cả các truyền thống tu tập đều có cùng một trọng điểm. Điều này không chỉ đúng ở Tây Tạng và Ấn Độ, nơi mà thỉnh thoảng thấy có xuất hiện tập quán chỉ trích công khai người khác, nhưng điều này cũng đúng đối với những Phật tử mới nhập môn, [họ cũng khó có thể nào nhìn thấy ra được là tất cả các truyền thống tu tập đều có cùng một trọng điểm như nhau]. Thật là không may bởi vì họ cũng có thể trở thành nạn nhân của các định kiến hay quan điểm sai lầm, và cho rằng chỉ có một truyền thống là thật sự đáng tin cậy, hoặc tin rằng để có thể trở thành một đệ tử hành Pháp chân chính thì cần nên theo một tông phái này thay vì một tông phái khác. Tôi đã từng có kinh nghiệm tương tự, thí dụ, về một số người

Tây phương, họ đã rất miễn cưỡng thỉnh mua các cuốn sách hay tiếp nhận các giáo huấn của các Lạt ma không thuộc vào truyền thống [mà họ đang theo đuổi]. Đây là lý do tại sao, mặc dầu tôi không phải là một bậc thầy Rimé cao trọng, tôi vẫn cố gắng cố vũ tinh thần Rimé hết sức mình, đặc biệt là để giúp các Phật tử mới tu của Phật giáo.

Tôi cảm thấy rất được an ủi khi, vào năm 2003, đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói riêng với tôi rằng ngài lấy làm cảm kích vì tôi là một Lạt ma Rimé, rằng điều này rất hiếm có, rất quan trọng và đáng được đánh giá cao. Ngài nói về sự ngưỡng mộ của ngài với hai Lạt ma Golok, những người mà ngài thường nhắc đến khi nói chuyện với công chúng, bậc thầy của dòng Nyingma – là ngài Dodrupchen Jigme Tenpe Nyima và bậc thầy của dòng Gelugpa - Chawoe Tulku Songrab Gyamtso, là những vị thầy đã vận dụng kiến thức rộng lớn đáng kinh ngạc và đáng tôn kính của mình để cố vũ một cách công bình cho tất cả các truyền thống.

Nói tóm lại, phong trào Rimé là một phong trào hợp thời và là một phong trào duy nhất với các

kết quả vĩ đại. Điều này có được là nhờ rất nhiều vào hai vĩ nhân của thế kỷ 19, ngài Jamyang Khyentse Wangpo và ngài Jamgon Kongtrul Vĩ Đại [Lodro Thaye]. Không có các nỗ lực phi thường của các ngài trong việc sưu tầm và truyền dạy các giáo huấn khác nhau thì rất có thể nhiều tài liệu Phật giáo đã bị thất truyền. Điều này cũng giúp phá bỏ truyền thống tôn sùng một dòng truyền thừa, vì điều đã cô lập một số tông phái này với các tông phái khác. Qua sự cố gắng của các ngài mà chúng ta có được một nền móng tốt đẹp để từ đó, nhiều người có thể nhìn thấy được tất cả các tông phái đều có cùng một trọng điểm. Trên thực tế, chính Đức Phật cũng đã ngăn cấm đệ tử của mình phê phán các vị thầy và những lời giáo huấn từ các truyền thống và văn hoá khác nhau. Đây cũng chính là những gì Rimé thể hiện.

---

*Dưới đây là một phần trích dẫn có chỉnh sửa đôi chút, từ cuốn sách của Khenrul Rinpoche, Con Đường Của Tri Kiến Thuần Tịnh: Lịch Sử, Quan Điểm Và Pháp Tu Của Truyền Thống Tâm Linh Sống Động, do Michael Sheehy chuyển ngữ.*

*Cuốn sách này hy vọng giải quyết được sự lẫn lộn giữa các tông phái và cho con người cơ hội để có thể nhìn nhận một cách công bằng về năm truyền thống Phật Giáo tại Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã bình luận rằng, đây là một cuốn sách quý giá và có một không hai, là cuốn sách đầu tiên đưa ra một lịch sử súc tích của năm truyền thống Phật Giáo tại Tây Tạng.*

### **Tinh thần Rimé**

Để hoàn thiện việc tu tập của một người tu và trở thành một hành giả tâm linh đích thực, *chúng ta có thể phỏng theo Rimé hay cách tiếp cận truyền thống Phật giáo với một tâm bình đẳng, tránh xa các thành kiến.* Ví dụ, Jetsun Tsongkhapa đã nhận được giáo huấn theo truyền thống Dzogchen từ bậc thầy Nyingma vĩ đại của Lodrak tên là Layki Dorje, nhận các giáo huấn Madhyamika từ bậc thầy dòng Sakya Rendawa Zhonu Lodro, nhận các giáo huấn về Sáu thức thiên du già của Kalachakra Tantra từ ngài Jonang Panchen Chogle Namgyal, và các giáo huấn về Bát nhã Ba la mật hay Trí tuệ Siêu việt từ ngài Jonang Nyawon Kunga Pal. Nếu ngài

Tsongkhapa không tôn kính các vị thầy tâm linh này và không tôn kính tinh thần của triết lý Rimé, ngài hẳn không muốn tiếp nhận và thực hành theo các giáo huấn tinh túy này. Giống như đức Tsongkhapa, có nhiều bậc thầy từ truyền thống Sakya, Gelug, Kagyu, Nyingma, và Jonang, đều thấu hiểu và luôn duy trì các hiểu biết mang tính triết lý từ các dòng truyền thừa khác nhau, không hề có mâu thuẫn. Một ví dụ khác là Đức Đạt Lai Lạt Ma vĩ đại đời thứ 5, Ngawang Lozang Gyatso, người nắm giữ cốt tuỷ của dòng truyền thừa Gelug nhưng vẫn trích dẫn các giáo huấn tinh túy Dzogchen từ dòng Nyingma; đây là những pháp được biết đến như là *Pháp thoại của những người nắm giữ tinh giác*. Ngài Kunkhyen Longchen Rabjam, người nắm giữ chính yếu của dòng truyền thừa Nyingma, đã thọ nhận và tu tập theo rất nhiều giáo huấn uyên thâm về ý nghĩa tối thượng của *zhentong* (*shentong*) từ ngài Karmapa Rangjung Dorje (Karma Kagyu) đời thứ 3. Ngài Ju Mipham Jamyang Gyatso của truyền thống Nyingma đã xác nhận rằng quan điểm *zhentong* thì cũng tương tự như quan điểm của Jonang trong cuốn sách nổi tiếng của ngài có tên, *Tiếng gầm của Sư tử*. Bậc thầy Nyingma vĩ đại, Za

Patrul Orgyen Jigme, đã hoàn thành một kỳ nhập thất 3 năm về *Sáu thức thiền du già của Kalachakra Tantra* từ truyền thống Jonang và đã có thể giải thích truyền thống này một cách chi tiết. Ngài Konton Konchog Gyalpo, một Lạt ma từ truyền thống Sakya, đã có thể truyền dạy các giáo huấn cao quý của truyền thống Nyingma. Ngài Jamgon Kongtrul Lodro Thaye (Jamgon Kontrul Vĩ Đại), một tấm gương vĩ đại của tinh thần Rimé, đã biên soạn cuốn *Kho báu của các giáo lý hướng dẫn tâm linh*, kết hợp các giáo huấn tinh túy từ tất cả tám con đường hay dòng tu của Phật giáo Tây tạng. Bậc thầy truyền thống Jonang, ngài Kunpang Thugje Tsondru, cũng đã tu tập theo tất cả giáo huấn của mười bảy dòng truyền thừa về Mật điển Kalachakra ở Tây Tạng.

Các truyền thống của Phật giáo Tây Tạng liên kết với nhau xuyên qua các lời truyền giảng, các quán đánh và các giáo huấn, đến nỗi [ta có thể nói rằng] mỗi lời truyền giảng, mỗi quán đánh, mỗi giáo huấn đều có những liên hệ với nhau. Vì lý do này, tôn kính một truyền thống với lòng thiên vị, hay nhìn nhận một truyền thống này có giá trị hơn một truyền thống khác, là một sai lầm. Vì tất cả các truyền thống đều là con đường

giống nhau đưa đến trí tuệ, mỗi truyền thống đều có lợi ích. Như những người sáng lập và các tác giả vĩ đại của các truyền thống này đã giải thích, nghiên cứu và tu tập theo những gì mà các truyền thống này đem lại sẽ giúp cho chúng ta có thể tránh được định kiến. Tinh thần Rimé bất bộ phái này được đặc biệt cổ vũ bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14, là người đã làm một việc đáng kinh ngạc bằng cách duy trì các giáo huấn, các pháp tu và các luận giảng theo từng dòng tu của tất cả năm truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.

---

*Nguyên tác của Khentrul Rinpoche (Jonang/Rimé).  
Nguyễn Thanh Hà chuyển ngữ (2008).  
Tâm Bảo Đàn hiệu đính.*

*[www.rimebuddhism.com](http://www.rimebuddhism.com)*

**Phong Trào Bất Bộ Phái Rimé  
Của Ngài Jamgon Kongtrul Vĩ Đại**

*Ringu Tulku*

*Ringu Tulku Rinpoche (Karma Kagyu/Rimé) là một Đạo sư (Acharya) và Tiến sỹ Học Viện Namgyal về Khoa Tây Tạng Học (NIT). Bài viết dưới đây đã được trình bày trong Hội Nghị Lần Thứ Bảy, Hội Đoàn Quốc Tế Về Tây Tạng Học, tháng Sáu, 1995.*

*Tóm lược*

---

Những truyền thống khác nhau của Phật Giáo Tây Tạng đều duy trì nét đặc thù của các truyền thống đó nương vào dòng truyền thừa đặc biệt của các vị thầy (của riêng mỗi truyền thống). Đôi khi có những sự hiểu biết sai lạc đã xảy ra là do vị thầy đã hạn chế việc nghiên cứu của mình chỉ trong Kinh sách của truyền thống riêng của



mình thôi. Tuy thế, những dị biệt về triết học giữa các truyền thống thì thật quá đỗi vi tế đến nỗi phải khó khăn lắm ta mới có thể thấu hiểu được những dị biệt đó dưới một cái nhìn đúng đắn.

Ngài Jamgon Kongtrul Vĩ đại, một trong những học giả lãnh đạo của thế kỷ mười chín, đã đập vỡ sự giới hạn có tính chất bộ phái, và trui rèn một sự hiểu biết sâu xa về những triết học đối nghịch giữa các truyền thống ấy. Với lòng can đảm và khả năng to lớn, vị học giả lỗi lạc này đã biên soạn những giáo lý căn bản của tất cả những trường phái của Phật giáo Tây Tạng trong một tác phẩm bách khoa có tên "*Năm Kho Báu Vĩ Đại*" (The Five Great Treasures) của ngài. Tác phẩm này đã cứu các truyền thống thoát khỏi sự hủy diệt trong cuộc khủng hoảng văn hóa mới đây ở Tây Tạng.

Bài viết này sẽ chủ yếu thảo luận về nguyên lý "Rimé" (Wylie: Ris-med ) trong quan điểm của Jamgon Kongtrul về những chủ đề được thảo luận, chẳng hạn như về những quan điểm triết học Rangtong và Shentong, và những lời phê bình về Tân và Cổ Phái Mật thừa.

*Tiểu luận*

---

Trong thập niên 1970, tôi đã thực hiện công trình nghiên cứu về Phong trào Rimé (Wylie, Ris-Med). Công việc này mang lại cho tôi cơ hội được gặp gỡ và phỏng vấn một số Lạt ma Tây Tạng lỗi lạc, kể cả Đức Đạt Lai Lạt Ma và những vị lãnh đạo của bốn trường phái chính của Phật giáo Tây Tạng.

Tôi đã chuẩn bị một bản ghi những câu hỏi. Một trong những vấn đề mà tôi đã hỏi là *“Các ngài có tin rằng những Trường phái khác nhau trong Phật Giáo cũng đã đều vạch ra phương pháp để đạt được Phật quả hay không?”*

Trong đời tôi, tôi chưa từng bao giờ bị khiển trách nhiều như khi tôi đặt ra câu hỏi đó! Tất cả các ngài, không loại trừ vị nào, đều sùng sốt và cảm thấy như bị sỉ nhục. Các ngài hết sức buồn bã vì cho rằng với tư cách là một tu sĩ, sao tôi lại

có thể có được những sự hoài nghi như thế! Các ngài không chịu nói chuyện với tôi cho tới khi tôi phải thuyết phục để các ngài tin rằng, đây chỉ là một trong những câu hỏi không quan trọng và có tính chất *thủ tục*, là một phần của hệ thống Đại học tân tiến.

Các ngài đã khiển trách tôi: *“Vì sao ông lại có thể nói một điều như thế? Tất cả các trường phái Phật Giáo đều thực hành những giáo lý của Đức Phật. Hơn nữa, những trường phái Phật Giáo ở Tây Tạng thậm chí còn có một nền tảng chung nhất hơn nữa. Những pháp tu chính yếu của tất cả những trường phái ấy đều đặt nền tảng trên Anuttara Tantra (Vô Thượng Mật Điển) của Kim Cương thừa. Madhyamika (Trung quán) là quan điểm triết học của các trường phái ấy; tất cả những phái ấy đều đặt những giới luật tu viện của mình trên phái Sarvastivadin (Nhất thiết hữu bộ) của Tạng Luật.”*

Một trong những đặc điểm độc nhất vô nhị của Phật Giáo, bao giờ cũng thế, là chấp nhận rằng những con đường khác nhau đều cần thiết cho những loại người khác nhau. Cũng như một loại thuốc không thể chữa lành mọi bệnh tật, một

loại giáo lý duy nhất không thể cứu giúp tất cả chúng sinh – đây là nguyên lý căn bản của Phật Giáo. Ta chọn lựa những Kinh điển hay các Tantra (Mật điển) thích hợp nhất trong Kinh điển Phật Giáo và dựa vào đó mà ta thực hành những pháp môn tu tập của riêng ta. Đây là nguồn gốc của những trường phái khác nhau trong Phật Giáo. Không có những “phái” trong Phật Giáo bởi không có những nhóm ly khai từ các trường phái chính. Những dòng truyền thừa khác nhau thậm chí đã hình thành trong những nhóm hành giả đang thực hành các giáo lý giống nhau.

Ở Tây Tạng, giống như ở những nơi khác, những trường phái khác nhau này đã được thực hành và tu học ở trong những môi trường hẻo lánh, và vì thế, đã mất rất nhiều cơ hội tiếp xúc với những trường phái và dòng truyền thừa khác. Việc không có thông tin liên lạc dẫn tới sự hiểu biết sai lầm. Ngay cả nếu không có sự hiểu biết sai lầm hay sự bất kính đối với những trường phái khác, thì một vài hành giả, vì tấm lòng nhiệt thành sôi nổi của họ muốn nhắm đến việc duy trì cho dòng truyền thừa của riêng họ được thuần nhất và không bị pha loãng, đã đi

quá đà trong việc từ chối bất cứ giáo lý nào đến từ những Đạo sư và những dòng truyền thừa khác. Và họ cũng đã không chịu nghiên cứu những bản văn của những trường phái khác. Sự vô minh ngu dốt là nền tảng màu mỡ nhất để làm cho những nghi ngờ và nhận thức sai lạc phát triển mạnh mẽ. Đây là phạm vi mà phong trào Rimé của Jamgon Kongtrul (1813-1899) và Jamyang Khyentse (1820-1892) đã đóng góp nhiều nhất.

### **“Rimé” là gì?**

Ris hay Phyog-ris trong tiếng Tây Tạng có nghĩa là “phiến diện”, “thiên vị” hay “bộ phái”. Med có nghĩa là “Không”. Vì thế Ris-med (Wylie), hay Rimé có nghĩa là “không phiến diện”, “không thiên vị” hay “không bộ phái”. Đó không có nghĩa là “không tuân thủ” hay “không cam kết”; cũng không có nghĩa là lập nên một trường phái mới hay hệ thống mới, khác biệt với những gì đang hiện hữu.

*Một người tin tưởng vào con đường Rimé, gần như chắc chắn là đang đi theo một dòng truyền thừa đặc thù nào đó và lấy dòng truyền thừa đó*

*là pháp tu tập chính yếu của người ấy. Anh ta sẽ không tách biệt khỏi trường phái mà anh được nuôi dưỡng. Ngài Kongtrul được nuôi dưỡng trong các truyền thống Nyingma và Kagyu; ngài Khyentse được nuôi dưỡng trong một truyền thống Sakyapa vững chắc. Các ngài không bao giờ phủ nhận mối liên hệ của mình với những trường phái riêng của các ngài.*

*Rimé không phải là cách thức “hợp nhất” những trường phái và dòng truyền thừa khác nhau lại bằng cách chú trọng vào sự tương đồng của những trường phái này.*

Nói chung thì điều căn bản là phải có một nhận thức sâu sắc về những dị biệt của các trường phái và dòng truyền thừa khác nhau, và phải thừa nhận rằng sự đa dạng này rất là quan trọng để làm lợi lạc cho các hành giả với những nhu cầu khác nhau. Vì thế những vị thầy Rimé luôn luôn hết sức thận trọng để những giáo lý và phương pháp hành trì của những trường phái và dòng truyền thừa khác nhau, cũng như những nét đặc trưng độc nhất vô nhị của trường phái hay dòng truyền thừa này không bị trộn lẫn với trường phái và dòng truyền thừa khác. Việc duy

*trì những nét đặc trưng và các pháp tu nguyên thủy của từng dòng giáo lý sẽ giúp cho sức mạnh của sự chứng nghiệm của dòng truyền thừa đó tồn tại.* Các ngài Kongtrul và Khyentse đã hết sức nỗ lực để duy trì tính cách nguyên thủy [độc đáo] của mỗi giáo lý, trong khi đem những giáo lý này đến được với nhiều người.

Ngài Kongtrul đã viết về ngài Khyentse trong tiểu sử của ngài như sau:

“Thời nay nhiều người trở nên dính mắc và nhầm lẫn trong việc xác nhận và phủ nhận những điều được gọi là dị biệt có tính chất triết học, chẳng hạn như Rangtong và Shentong, v.v. Họ nỗ lực lôi kéo mọi người về phía mình tới nỗi làm người ta gần muốn gãy cổ! Khi ngài Khentse Rinpoche giảng dạy, ngài ban truyền các giáo lý của mỗi dòng truyền thừa một cách rõ ràng và dễ hiểu mà không lậm lẩn với những thuật ngữ và khái niệm của những giáo lý khác. Sau đó ngài khuyên dạy các đệ tử và nói:

‘Chú đề nền tảng mà chúng ta cần định nghĩa là Chân như, hay Dharmata (Pháp tánh), của các hiện tượng. Kinh Bát nhã ba la mật nói: “Pháp

tánh thì không thể hiểu được (bằng tâm thức thông tuệ) và không thể được nhận thức qua những khái niệm”. Ngay cả đại dịch giả Ngog Lotsawa, viên bảo châu đặt trên đỉnh đầu của tất cả những nhà luận lý học Tây Tạng, cũng đã nói rằng: “Chân lý Tối hậu không chỉ siêu vượt chiều kích của ngôn ngữ và sự biểu lộ, mà cũng siêu vượt sự hiểu biết trí thức”. Tâm thức sinh tử của chúng ta không thể đo lường trọn vẹn Chân như. Những bậc thánh vĩ đại (Siddha - Thành tựu giả) và những học giả đã khảo sát Chân như từ những phương diện khác nhau, và mỗi một phương pháp được các ngài phác thảo đều có nhiều lý do và những chuỗi luận lý nối tiếp nhau. Nếu chúng ta tuân theo truyền thống của dòng truyền thừa của riêng ta và tu học với những Đạo sư thuộc dòng truyền thừa của ta một cách sâu sắc, thì chúng ta sẽ nhận ra là chúng ta không có nhu cầu để phải cảm nhận tinh thần phân chia bộ phái. Tuy nhiên, nếu ta trộn lẫn những thuật ngữ và hệ thống tu tập của những truyền thống khác nhau, hoặc nếu ta nỗ lực giới thiệu các phương pháp tu tập của những hệ thống khác do bởi ta không có được một sự hiểu biết sâu xa về truyền thống của riêng ta, thì chắc chắn là ta sẽ làm cho tâm ta rối



tung như những sợi chỉ len của một người thợ dệt kém cỏi. Việc ta không thể giải thích những giáo lý truyền thống của riêng ta phát sinh từ chính sự ngu tối của ta trong việc tu học của bản thân ta. Nếu điều này xảy ra, chúng ta sẽ mất niềm tin nơi các truyền thống của riêng mình; ta cũng không thể mô phỏng từ những truyền thống khác. Chúng ta biến thành trò hề mang lại những trận cười cho những học giả khác. Vì thế cách hay nhất là hoàn toàn thấu suốt những giáo lý của trường phái của riêng ta!

Theo cách này, chúng ta có thể nhận ra sự hòa hợp của tất cả những con đường. Tất cả các giáo lý có thể được xem như là những giáo huấn, và vì thế, cội gốc của những cảm xúc có tính chất bộ phái hãy nên khô héo và chết đi! Giáo lý của Đức Phật sẽ bén rễ trong tâm thức chúng ta. Tới một lúc nào đó, những cánh cửa dẫn tới tám vạn tư Pháp môn sẽ mở ra.”

Khái niệm Rimé không bắt đầu từ hai ngài Kongtrul và Khyentse – cũng không phải là cái gì mới mẻ đối với Phật Giáo! Thậm chí Đức Phật đã ngăn cấm đệ tử của Ngài không được phê bình chỉ trích các giáo lý cũng như những vị

thầy của các tôn giáo và nền văn hóa khác. Thông điệp này của Đức Phật mạnh mẽ và rõ ràng đến nỗi ngài Chandra Kirti (Nguyệt Xứng) đã phải lên tiếng bênh vực các luận văn của Tổ Nagarjuna (Long Thọ) về Madhyamika (Trung quán) rằng: “Nếu bằng nỗ lực hiểu biết chân lý mà bạn xua tan được những hiểu biết sai lầm của một vài người, và bằng cách đó mà một số triết học nào đó sẽ bị tổn hại – thì điều đó không có nghĩa là bạn đang phê bình chỉ trích những quan điểm của người khác” (Madhyamika-avatara). Một Phật tử chân chính phải là một người không bộ phái và phải có tinh thần Rimé trong cách tiếp cận của họ mà không thể là gì khác.

### **Những Cuộc Thảo Luận Về Học Thuyết**

Như vậy tại sao lại có quá nhiều các cuộc tranh luận và phê bình giữa những trường phái Phật giáo khác nhau? Có một câu tục ngữ cổ xưa trong tiếng Tây Tạng rằng:

*”Ita.wa.mThun.na.mKhas.pa.min.  
dGongs.pa.ma.mThun.na.Grub.thob.min.”*

“Nếu hai triết gia đồng ý, một người không phải là triết gia. Nếu hai vị thánh giả không đồng ý, một người không phải là thánh nhân.”

Mọi người đều thừa nhận rằng tất cả những bậc chúng ngộ đều có cùng một kinh nghiệm nhưng vấn đề là làm thế nào mô tả điều này cho những người khác. Về mặt cơ bản thì hầu hết những cuộc thảo luận đều có liên quan với những cách thức sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ như, cuộc thảo luận chính yếu giữa các phái Trung quán Sautrantika (Kinh lượng bộ) và Prasangika (Cụ Duyên tông) là có sử dụng *Don.dam.par*, (tối hậu, tốt cùng, rất ráo) hay không. Ví dụ nên nói “Sắc tướng thì trống không” hay “Sắc tướng, một cách rất ráo, thì trống không.”

Trong truyền thuyết, cuộc thảo luận kéo dài mười năm giữa Chandra Kirti (Nguyệt Xứng) và Chandra Gomin là một ví dụ rất hay. Cả hai Đạo sư này được tất cả các phe phái coi là những bậc chúng ngộ. Như vậy thì các ngài thảo luận về điều gì? Các ngài đã thảo luận về cách trình bày các giáo lý để nguy cơ của sự diễn đạt sai lầm sẽ chỉ là tối thiểu.

## Hai Phái Rangtong và Shentong

Ở Tây Tạng, đã có rất nhiều cuộc thảo luận sôi nổi giữa những người truyền bá quan điểm của các quan điểm triết học Rangtong (Wylie, Rang-stong) và Shentong, (Wylie, gZhen-stong). Đối với những nhà Tây Tạng học thì những sự kiện lịch sử của hai triết học này rất nổi tiếng. Đây là điều ngài Kongtrul đã nói về hai hệ thống: “Các triết học Trung quán của Rangtong và Shentong không có những dị biệt trong việc nhận thức rằng mọi hiện tượng mà chúng ta kinh nghiệm trên một bình diện tương đối là Shunyata (mang tánh Không). Những quan điểm triết học giữa Rangtong và Shentong cũng không có sự khác biệt trong việc đạt tới trạng thái thiền định là trạng thái mà mọi khái niệm cực đoan hoàn toàn tan biến. Sự khác biệt của Rangtong và Shentong nằm ở những ngôn từ được sử dụng để mô tả Pháp tánh. Shentong mô tả Pháp tánh, tâm của Phật là “rốt ráo thì thật có”; trong khi các triết gia Rangtong sợ rằng nếu Pháp tánh được mô tả theo cách đó thì người ta có thể hiểu lầm Phật tánh như một khái niệm về “linh hồn” hay “Tự ngã”. Các triết gia Shentong tin rằng khả năng hiểu biết sai lầm sẽ nghiêm trọng hơn nữa trong

việc mô tả Trạng thái Giác ngộ là “không thật” và “trống không”. Ngài Kongtrul nhận thấy phương pháp giới thiệu của phái Rangtong là con đường tốt nhất để làm tan biến những khái niệm và phương pháp của phái Shentong là con đường tốt nhất để mô tả kinh nghiệm.

### **Nyingma và Sarma**

Ngài Kongtrul đã đối phó với những vấn đề của hai phái Cựu Dịch và Tân Dịch của Tantra (Mật điển) theo cùng một cách thức. Ngài đã nói rằng có hai lý do khiến cho những Tantra (Mật điển) này xác thực. Trước tiên, những bản dịch Phạn ngữ nguyên thủy đã được tìm thấy và kể đó, cả hai phái Cựu Dịch và Tân Dịch của các Tantra đều có cùng lối nhìn và cùng hiểu biết. Kongtrul đã làm cho điều này trở nên hết sức rõ ràng trong những tác phẩm Vol.Ta của ngài được đề tựa là ITa.wai.'Bel.gTam.

“Như vậy con đường Mahamudha (Đại Ấn) được nói tới một cách rõ ràng trong tất cả các Sutra (Kinh điển) và Tantra (Mật điển). Các giáo lý Sems.sde. của Zogpa Chenpo thì cũng tương tự như thế. Năm Lạt ma Sakyapa vĩ đại cũng

ủng hộ cho triết học Madhyamika (Trung quán) tối hậu và quan điểm Mahamudra (Đại Ấn). Mặc dù Sakya Pandita đã phê bình (một vài khía cạnh của phương pháp thực hành của phái Kagyu) nhưng những quan điểm thực sự của ngài đã được trình bày rất rõ ràng trong bDag.med.bTod.'Grel. Rõ ràng là quan điểm cuối cùng của Đức Je Tsongkhapa cũng tương tự như quan điểm của Zogpa Chenpo (Đại Viên Mãn). Xin tham khảo thêm Shus.len.bDud.tsi.sMan.mChog." Sự hiểu biết dựa trên tinh thần Rimé về các con đường của đạo Phật được mô tả rõ ràng bởi Rangzom Chokyi Zangpo, một Đạo sư Nyingma cao trọng của thế kỷ mười một.

“Tất cả những giáo lý của Đức Phật chỉ có một vị, một con đường – tất cả đều dẫn tới chân lý, tất cả đều đi tới chân lý. Mặc dù có những Yana (thừa) khác nhau, chúng không mâu thuẫn mà cũng không loại bỏ căn bản của nhau. Những điều hoàn toàn được làm sáng tỏ trong những Thừa thấp thì không bị những thừa cao biến đổi, và cũng không bị bác bỏ mà được chấp nhận như chúng là. Những vấn đề không được hoàn toàn làm sáng tỏ trong những Thừa thấp được làm sáng tỏ trong những Thừa cao nhưng cấu

trúc căn bản không bị biến đổi và không có vấn đề nào đã sáng tỏ bị làm cho mâu thuẫn. Vì thế những Yana (thừa) và Trường phái khác nhau không đi theo những hướng khác nhau và chúng không đi tới những kết luận khác nhau”.  
(bản dịch nháp)

*”bsTan.pa.thams.ced.’gal.med.du.rTogs,  
gzung.lugs.thams.ced.gDams.par.shan.”*

*“Hãy có cái nhìn hòa hợp đối với mọi giáo thuyết. Hãy nhận lãnh những giáo huấn từ mọi giáo lý.” Đây là một trong những châm ngôn quan trọng nhất của các Đạo sư Kadampa. Nếu chúng ta khảo sát cuộc đời của những Đạo sư vĩ đại của bất kỳ trường phái nào ta sẽ thấy các ngài đã học với biết bao vị thầy của những trường phái và dòng truyền thừa khác nhau, và các ngài đã tỏ lòng tôn kính biết bao nhiêu đối với những bậc thầy đó.*

Ngày nay, những xung đột giữa các Lạt ma và tu viện, và đôi khi giữa những vùng miền của Tây Tạng, thường được trình bày như những xung đột có tính chất tôn giáo và giáo thuyết. Tuy nhiên, hầu như không có sự xung đột nào có bất kỳ dính líu nào đến các giáo lý nền tảng và căn bản, hay ngay cả dính líu đến những bất

đồng thuộc về triết học. Hầu hết những tranh chấp này được đặt nền tảng trên những vấn đề có tính cách cá nhân, hay những ganh đua có tính chất thế tục.

Phong trào Rimé của hai ngài Kongtrul và Khentse không phải là một ý niệm mới mẻ, nhưng đó là một phong trào hợp thời và độc đáo với những kết quả vĩ đại. Một phần lớn Kinh văn đã bị mai một nhưng nhờ những nỗ lực của hai nhân vật lỗi lạc này mà Kinh điển Phật giáo được bảo tồn. Mặc dù ngài Khyentse là suối nguồn của sự cảm hứng và đã đóng góp rất nhiều cho nỗ lực này, nhưng chính ngài Kongtrul mới là người thực sự biên soạn công trình phi thường "*Năm Kho Báu Vĩ Đại*". Việc biên soạn và trao truyền những giáo lý "*Năm Kho Báu Vĩ Đại*" của ngài Kongtrul cùng với sGrub.thabs.kun.bTus và rGyud.bDe.kun.bTus. đã đập vỡ sự cô lập của truyền thống chia rẽ các giáo lý trong các trường phái Phật Giáo Tây Tạng. Do đó, và qua đó, việc thọ nhận các giáo lý của những dòng truyền thừa và trường phái khác nhau từ cùng một vị thầy ở cùng một địa điểm đã được thiết lập.



Hãy lấy ví dụ của gDams.ngag.mZod. Hiện nay, một bản tóm tắt của hầu hết những giáo lý cốt tủy và giáo lý tinh yếu của tất cả tám dòng Hành trì (sGrub.brGyud.Shing.ta.brGyad) đã được bảo tồn trong một dòng truyền thừa. Những giáo lý của những dòng này không những đã trở nên những giáo lý căn bản mà còn trở nên rất phổ biến giữa những Đạo sư của tất cả trường phái của Phật Giáo Tây Tạng.

Thành công lớn nhất trong lãnh vực này cũng đi tới sự kiện là đích thân ngài Kongtrul đã nhiều lần ban truyền những giáo lý này cho đông đảo các đệ tử, từ những vị lãnh đạo các Trường phái cho tới những hành giả cư sĩ khiêm tốn nhất. Nhiều người trong số rất đông đảo đệ tử của ngài đã có thể truyền bá dòng truyền thừa ngay trong những trường phái và tu viện của họ. Ngài Kongtrul cũng đã xuất bản được gần như tất cả những tác phẩm chính yếu của mình (bản khắc gỗ) trong khi ngài còn sống.

Khi người Tây Tạng chạy sang Ấn Độ năm 1959, toàn bộ tác phẩm "*Năm Kho Báu Vĩ Đại*" của ngài Kongtrul đã được lưu hành. Đức Karmapa [thứ 16] và đức Dudjom Rinpoche đã bắt đầu ban truyền những giáo lý trong những phẩm khác

nhau [trích trong “*Năm Kho Báu Vĩ Đại*”] ở Ấn Độ từ những năm 1960-1961 trở đi. Những quyển sách Tây Tạng duy nhất mà Chogyam Trungpa mang sang Âu châu khi cùng Akong Rinpoche tới Anh quốc lần đầu tiên vào đầu thập niên 1960 là một bộ She-bya.dZod của Kongtrul (*Kho Tàng Của Sự Hiểu Biết*) bên cạnh những giáo pháp thực hành hàng ngày của các ngài.

Ngày nay, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các ngài Khunu Lama Tenzin Gyatso, Dilgo Khentse Rinpoche và Dodrupchen Tenpe Nyima đời thứ 3. Nhờ những nỗ lực của các ngài trong những năm gần đây, đã có nhiều sự giao lưu, trao đổi các giáo lý giữa các trường phái khác nhau của Phật Giáo Tây Tạng hơn bất kỳ thời điểm nào trước đó. Theo truyền thống Rimé, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng thọ nhận và ban truyền những giáo lý của tất cả các trường phái theo cách nhìn [đặc thù] của mỗi truyền thống và mỗi dòng truyền thừa.

---

*Bản Anh ngữ của Ringu Tulku (Karma Kagyu/Rimé).  
Thanh Liên chuyển Việt ngữ.*

<http://www.abuddhistlibrary.com>.

*Ghi chú thêm về tác giả Ringu Tulku :*

*Ringu Tulku Rinpoche là một Đạo sư Phật Giáo Tây Tạng thuộc dòng Kagyu. Ngài đã tu tập theo tất cả các truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng dưới sự dẫn dắt của nhiều Đạo sư vĩ đại như Đức Gyalwa Karmapa thứ 16 (Karma Kagyu) và Đức Dilgo Khentse Rinpoche (Nyingma). Ngài tu học chính thức tại Viện Namgyal (Gelug) về Khoa Tây Tạng Học (NIT), Đại Học Phạn ngữ Gangtok và Sampurnananda, Varanasi, Ấn Độ và đã phục vụ với tư cách Giáo sư môn Tây Tạng Học tại Sikkim trong 17 năm. Luận án Tiến sĩ của ngài viết về Phong trào Cơ Đốc Giáo ở Tây Tạng.*

*Từ năm 1990, ngài đã du hành và giảng dạy Phật Giáo và Thiền định ở hơn 50 trường Đại Học, Học viện và những Trung tâm Phật Giáo tại Âu châu, Hoa Kỳ, Canada, Úc châu và Á châu. Ngài cũng tham gia vào những cuộc đối thoại giữa những người có tín ngưỡng khác nhau. Ngài là tác giả của một số sách về Phật Giáo cũng như sách cho trẻ em bằng tiếng Tây Tạng và các ngôn ngữ châu Âu.*

*Ngài đã sáng lập Bodhicharya, một tổ chức quốc tế phối hợp những hoạt động toàn cầu để bảo tồn và trao truyền Phật Pháp, nhằm đẩy mạnh những đối thoại liên văn hóa và những dự án giáo dục và xã hội.*

## **Phật Giáo Không Bộ Phái**

*Deshung Rinpoche*

Trong việc nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta cần hiểu rằng có một cách thể đúng đắn để thực hiện điều đó. Khi bạn nghe giảng những giáo lý Phật giáo này, hãy đặt sang một bên mọi sự xao lãng và tập trung tâm bạn với ý hướng nhất tâm trên những ngôn từ và ý nghĩa của những giáo lý ấy. Điều này cũng phải được thực hiện với một thái độ nhớ tưởng tới tất cả những chúng sinh nào khác không thể nghe giáo lý Giác ngộ. Hãy đưa họ vào tâm bạn với những niệm tưởng từ bi và với một sự xác quyết rằng, nhân danh họ, bạn sẽ học tập Phật Pháp một cách đúng đắn, sẽ nhớ tới Pháp, sẽ kinh nghiệm và chứng ngộ Pháp bằng những nỗ lực của riêng bạn.

Để tịnh hóa những khái niệm tầm thường về bản tánh và về giá trị trân quý của Pháp trong tâm bạn, bạn cũng nên nghĩ tưởng rằng Thầy của bạn không khác gì bản thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bởi nếu chính Đấng Giác ngộ hiện diện ở đây trước mặt bạn, Ngài sẽ chẳng giảng điều gì khác ngoài Giáo Pháp này.

Hãy quán tưởng vị Thầy của bạn trong thân tướng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tưởng tượng rằng vô số luồng ánh sáng vàng óng chiếu rọi từ thân ngài chạm vào tất cả chúng sinh. Những ánh sáng này tẩy trừ những chướng ngại khỏi họ và bản thân bạn, để bạn cho tất cả một kinh nghiệm về Pháp Giới và an lập tất cả trong sự hỉ lạc thanh tịnh của giải thoát. Khi những tia sáng này chạm vào tim bạn, hãy nghĩ tưởng rằng trong tâm bạn đang phát khởi một sự quán chiếu về ý nghĩa chân thực của Pháp đang được thuyết giảng.

Hãy nghĩ tưởng rằng bản thân bạn không khác gì Bồ Tát của Trí tuệ, Đức Manjushri (Văn Thù), là vị Bồ Tát, trên con đường hoàn thành hạnh nguyện của ngài, đã khám phá không chút mệt mỏi tất cả những Giáo Pháp này vì lợi lạc của

những chúng sinh đau khổ. Hãy tưởng tượng rằng bạn đang thọ nhận Giáo Pháp này trong một cõi tịnh độ của chư Phật. Ở đó mọi vật không được xem như là kiên cố và thực có, không theo cái cách mà chúng ta nhìn chúng qua sự mê lầm, nhưng mọi vật đều giống như những hình ảnh xuất hiện trong ảo ảnh hay một giấc mơ. Không bám chấp vào bất kỳ điều gì như thực có, hãy để cho tâm bạn an trụ trong trạng thái tánh Không. Trong những cách thế này, những nỗ lực của bạn để học tập ở đây và bây giờ sẽ gần giống sự truyền dạy Thánh Pháp khi việc ấy xảy ra trên mức độ thực tại tối hậu.

Tất cả những cơ hội như thế này – lắng nghe, học tập, và đem những giáo lý giác ngộ được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy hòa nhập trong tâm thức của riêng ta – thì việc này thật là cực kỳ hi hữu. Rất ít chúng sinh có được một cơ hội như thế. Nhiều người khi sống cuộc đời của họ đã bị cô lập với Pháp. Họ không có lối vào con đường giác ngộ. Kết quả là họ đau khổ và bởi vì mê lầm, họ tạo thêm đau khổ cho bản thân và cho chúng sinh khác. Nỗi khổ này cứ tiếp tục mãi; nó kéo dài vô tận và hiển lộ thật đa dạng.

Kinh điển có nói một cách chân thành rằng thậm chí danh hiệu của Đức Phật cũng hiếm có chúng sinh nào được nghe thấy. Suốt trong vô lượng kiếp sống, hầu hết chúng sinh không có ngay cả nhiều cơ hội để giải thoát khỏi sự mê lầm và nỗi khổ của họ. Do đó, mỗi giáo lý phải được trân trọng như bảo vật hiếm có, và được quý mến ấp ủ trong khi ta còn có cơ hội để nhận lãnh.

Những chúng sinh may mắn như chúng ta, là những người giờ đây đang có một đời người với những thuận lợi và sự nhân nhã, trong một thời đại mà các giáo lý đang còn hiện diện, ta phải luôn giữ chánh niệm về hoàn cảnh của chúng ta. Đời người thì cực kỳ ngắn ngủi. Nó trôi qua còn nhanh hơn nước đổ xuống trong một dòng thác núi. Cuộc đời chúng ta nhanh chóng trôi qua và cái chết nằm phía trước mỗi người trong chúng ta. Trong thế giới này, sự xao lãng thật nhiều và chướng ngại thì đầy rẫy. Khó tìm ra được sự quyết tâm thực hành Pháp. Khó đánh thức được trong tâm ta quyết định đạt được Giác ngộ, khó có thể chuyên tâm một cách đúng đắn vào quyết định này theo một phương cách thực sự mang lại lợi lạc cho bản thân ta và người khác.

Dù thế nào đi nữa, chúng ta phải tìm ra sức mạnh để đánh thức quyết định này trong bản thân ta bằng sự quán chiếu sâu sắc về những yếu tố của một đời người và những yếu tố của sự sống nói chung. Bởi chúng ta, giống như chúng sinh khác, đã bị mang đi bởi dòng sông vĩ đại của những tập khí và nghiệp chướng (những hành động phát khởi từ tham, sân và si). Vào lúc chết, những khuynh hướng trong tâm ta sẽ quyết định tương lai ta: hoặc sẽ tìm lại được một cơ hội như bây giờ để thọ nhận và thực hành Pháp hoặc chúng ta sẽ vĩnh viễn mất cơ hội ấy, hoặc sẽ chịu đau khổ trong những cõi thấp giữa những chúng sinh trong địa ngục, những ngạ quỷ, và súc sinh, hoặc tự thấy mình mất hết Giáo Pháp giữa những vị trời và a tu la.

Định luật nghiệp báo xoay chuyển bánh xe vĩ đại của duyên sinh, là vòng tròn không thể lay chuyển được của những tiến trình mê lầm trong tâm thức, và sẽ cuốn chúng ta ra khỏi cơ hội độc nhất vô nhị này để nắm bắt được Giáo Pháp cứu sinh và nhờ đó mà đạt giải thoát. Nếu chúng ta vẫn nằm dưới sự chi phối của vòng quay mê lầm này, tiến trình mười hai nidana, hay những mối liên kết của nhân nguyên tương thuộc



(duyên sinh) thì điều này sẽ khiến chúng ta phải lang thang vô ích từ một trạng thái hiện hữu này sang trạng thái khác. Nếu chúng ta không thoát khỏi bánh xe mê lầm bằng trí tuệ và bằng sự hiểu biết đúng đắn về Con Đường tu, thì chắc chắn là ta sẽ tiếp tục trải nghiệm khổ đau. Nếu chúng ta không trốn thoát khỏi ba loại đau khổ này – đau khổ vì vô thường, đau khổ vì đau khổ (trong những cõi thấp), và đau khổ vì điều kiện – thì chúng sẽ tiếp tục quấy rầy ta. Đây là tương lai chờ đợi mỗi người trong chúng ta, là những người không có khả năng tạm ngừng nghỉ, quán chiếu, và thực hiện một nỗ lực chân thành để chứng ngộ Chân Pháp.

Trong tình huống như của chúng ta, chúng ta phải làm gì? Đây là vấn đề mà Đấng Giác ngộ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đã cân nhắc trong nhiều năm và chính nhờ lòng đại bi của Ngài đối với chúng sinh như chúng ta đã giúp chúng ta khám phá được cho bản thân mình một phương cách [tu tập], và nhờ thế, ta có thể giải thoát mình khỏi cảnh ngộ khốn khó. Đức Phật đã giảng dạy một con đường giải thoát được đặt nền tảng trên sự thanh tịnh và đạo đức, một con đường của sự chứng nghiệm bao gồm việc

ngiên cứu, quán chiếu và thiền định đúng đắn, một con đường có cùng cái đích là sự thành tựu hạnh phúc vĩ đại của giải thoát. Bằng phẩm tánh thiện xảo của Đức Phật trong phương tiện và qua sự thấu suốt những loại chúng sinh với những khuynh hướng, tập khí khác nhau mà Đức Phật đã thuyết giảng những hệ thống thực hành khác nhau.

Trước tiên, Ngài đã giảng hệ thống Phật Giáo Tiểu thừa với ý niệm giải thoát cá nhân. Đối với những người có năng lực tâm linh lớn lao hơn, Ngài giảng những giáo lý cao quý của Con Đường Lớn của Phật Giáo Đại thừa với ý niệm phổ độ. Trong hệ thống Đại thừa, ta thọ giới nguyện Bồ Tát để giải thoát tất cả các sinh loài không khác gì bản thân ta. Kết quả là sự thành tựu ba thân (Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân), hay thành tựu những phương diện khác nhau của giác ngộ viên mãn. Tuy nhiên, con đường thực hành Đại thừa này đòi hỏi ba a tăng kỳ kiếp để hoàn thiện những phẩm tính của Phật Quả.

Với những người có lòng bi mẫn thật mãnh liệt đối với thế gian, là những người nhận ra rằng

khó có thể chịu đựng nỗi việc chúng sinh đã phải chờ đợi quá lâu trước khi ta có thể giải thoát họ khỏi nỗi đau khổ và an lập họ trong niềm hạnh phúc của sự giải thoát, thì Đức Phật đã giảng dạy con đường nhanh chóng của Phật Giáo Kim Cương thừa. Nhờ những kỹ thuật thiền định siêu việt của hệ thống này, hành giả có thể đạt được Phật Quả trong một quãng thời gian rất ngắn.

Nếu ta trì giữ những giới nguyện và thiền định một cách mãnh liệt thì ta sẽ đạt được Giác ngộ viên mãn - Phật Quả - ngay trong đời này. Nhưng hệ thống này đòi hỏi ta phải có năng lực tinh thần siêu việt: phải cực kỳ thông tuệ và tinh tấn. Tuy nhiên nếu ta chỉ có năng lực, sự thấu suốt và tinh tấn trung bình, thì ta có thể tin tưởng là sẽ đạt được Giác ngộ hoặc trong trạng thái bardo (trung ấm) hoặc trong đời sau. Cho dù ta có sự phát triển tâm linh rất ít ỏi và không thể thực hành gì hết, ta vẫn được bảo đảm rằng sẽ đạt được Phật Quả trong không quá mười sáu đời.

Vì thế, hệ thống cuối cùng này do Đức Phật giảng dạy thì cực kỳ hữu hiệu. Những Phật tử

nào đã có thể chuyển tâm bởi lòng bi mẫn  
mãnh liệt đối với thế gian, là những người đã  
quyết định nhanh chóng giải thoát chúng sinh  
khỏi đau khổ và an lập họ trong sự hạnh phúc,  
các bạn nên chú tâm vào hệ thống thực hành  
[Kim Cang thừa] này. Những phẩm tính được  
đòi hỏi ở đây là lòng dũng cảm, sự tinh tấn  
trong thực hành, và nhiệt tâm đối với đức hạnh.

Ba hệ thống Giáo Pháp được giảng dạy cho  
chúng sinh với những năng lực tâm linh khác  
nhau đều mang lại những lợi lạc to lớn cho thế  
gian. Nhờ những hệ thống giáo lý này, tất cả  
chúng sinh có thể tìm ra con đường dẫn tới giải  
thoát. Bất kỳ ai thọ nhận Giáo Pháp cũng nhận  
được sự lợi lạc bởi Giáo Pháp ấy được Đấng Bi  
Mẫn giảng dạy để giúp chúng ta đạt được  
những mục đích của mình. Tất cả chúng ta đều  
tìm kiếm hạnh phúc và cố gắng tránh xa đau  
khổ. Giáo Pháp chỉ cho ta con đường giải trừ  
những nguyên nhân của đau khổ và đạt được sự  
chúng nghiệm hạnh phúc vô thượng.

Tuy thế, có một mối nguy hiểm trong việc nắm  
giữ Giáo Pháp một cách sai lạc. Nếu sự nguy  
hiểm này không tránh được và sự tiếp cận với

Pháp của ta sai lầm thì ‘Pháp’ trở thành một nguyên nhân của tai họa thay vì lợi lạc. Đây không phải là mục đích của Các Đấng Giác ngộ mà cũng không phải của các Đạo sư đã giao phó Pháp cho chúng ta.

Hãy nhận ra và tránh xa mối nguy hiểm này: nó được gọi là *‘tư tưởng hẹp hòi’*. Nó biểu hiện trong những giáo đoàn trong hình thức *của tính cách bộ phái: một thái độ phân biệt, một khuynh hướng hình thành những sự vướng mắc mê lầm đối với dòng phái của riêng ta và bác bỏ những trường phái Phật Giáo khác như cái gì thấp kém.*

Tôi từng nhận thấy tư tưởng hẹp hòi này làm giảm giá trị của Phật Giáo ngay trong xứ sở Tây Tạng của tôi và trong thời gian hai mươi năm qua khi tôi sống ở Mỹ, tôi cũng nhìn thấy nó phát triển trong những trung tâm Giáo Pháp do những vị thầy Tây Tạng và các đệ tử của họ thành lập ở đây. Tôi rất lấy làm đau khổ khi nhận thấy *tinh thần bộ phái* đã bám rễ giữa những trung tâm Giáo Pháp. Chính bởi nghiệp của tôi, với tư cách là một người đại diện của Phật Giáo và là một người Tây Tạng, mà tôi có

cơ hội và trách nhiệm để chống lại, khi được yêu cầu, *'kẻ thù nội tại'* này.

Thông thường thì ở Tây Tạng những người ít phát triển tâm linh nhất thường ủng hộ một trong bốn dòng phái lớn để nuôi dưỡng tinh thần bộ phái này. Những tu sĩ và đệ tử cư sĩ của một dòng phái thường từ chối không tham dự những buổi lễ của các dòng phái khác. Những tu sĩ từ chối không nghiên cứu hay đọc kinh văn của những phái khác chỉ vì chúng là những tác phẩm của các Đạo sư thuộc dòng truyền thừa khác – bất luận kinh văn ấy có thể tốt lành tới đâu.

Dòng Nyingma vĩ đại – Dòng của những bậc cổ xưa (Cổ Phái) – có sự tự phụ đặc biệt của dòng ấy. Một số môn đồ của dòng này tin rằng, là những thành viên của trường phái xuất hiện sớm nhất, họ có những giáo lý sâu xa mà những trường phái sau này của Phật Giáo Tây Tạng không biết tới. Họ xác nhận rằng, bằng cách nào đó giáo lý 'Đại Viên Mãn' của họ thì siêu việt hơn nhận thức của 'Mahamudra' (Đại Ấn) về thực tại tối hậu. Họ khẳng định điều này mặc dù qua luận lý học và những giáo lý của chính Đức

Phật, thì chúng ta biết rằng không thể có bất kỳ khác biệt nào trong việc chứng ngộ thực tại tối hậu. Họ cũng khẳng định rằng giáo lý của họ là con đường siêu việt được ban tặng qua những giáo lý bí mật và những cấp độ Giáo Pháp mà các trường phái khác không biết đến.

Phái Gelugpa, do Đức Tsongkhpa vĩ đại sáng lập, cũng có những người ủng hộ kiêu ngạo của dòng ấy. Họ nghĩ họ là những người duy nhất bảo vệ của giáo lý đã được đại học giả Atisha truyền sang Tây Tạng, mặc dù những giáo lý này vẫn được sử dụng và thực hành một phổ cập trong những phái khác. Họ tự phụ khi tuyên bố họ đạt được một sự siêu việt trong thiện hạnh. Họ có cảm tưởng rằng việc bảo vệ giới luật tu viện cùng tập quán hiến mình nhiều năm để nghiên cứu trước khi chuyển sang việc thực hành thiền định vào giai đoạn cuối đã tạo nên một phương cách tiếp cận tối thượng đối với việc thực hành Kim Cương thừa. Họ tự coi mình là siêu việt trong thái độ hành xử lẫn trong nghiên cứu.

Một vài môn đồ của phái Sakya cũng có sự tự phụ về công trình nghiên cứu. Họ tin rằng chỉ có

phái của họ là hiểu biết và giữ gìn những giáo lý sâu xa được đưa từ Phật Giáo Ấn Độ vào Tây Tạng. Thông thường thì những học giả Sakya này xem thường những hành giả của các dòng khác, cho rằng những Phật tử Tây Tạng khác là những hành giả dốt nát, sự thực hành của họ không được nâng đỡ bởi sự hiểu biết đúng đắn về chân nghĩa của Giáo Pháp.

Một số người ủng hộ phái Kagyu có sự tự phụ riêng của họ. Họ khẳng định rằng dòng truyền thừa của những Đạo sư của họ thì siêu việt tới nỗi bản thân họ được coi là siêu phàm – như [chính họ là] những người kế thừa của các ngài Tilopa, Naropa, Marpa, Milarepa và Dagpo (Gampopa). Những Đạo sư này đúng là rất vĩ đại nhưng không nhất thiết những người khẳng định mình là người ủng hộ truyền thống của họ cũng vĩ đại như thế. Sự vĩ đại của những Đạo sư này phụ thuộc vào sự chứng ngộ của các ngài. Sự trung thành tuyệt đối với những Đạo sư này không thể làm cho các hành giả Kagyu trở nên siêu phàm.

Tất cả những thái độ này rất thường được tìm thấy trong những tu sĩ và cư sĩ Phật Giáo Tây



Tạng. Chúng có thể là những thái độ phổ biến nhưng không là những thái độ Phật Giáo đúng đắn. Ngài Jamgon Kongtrul Rinpoche, Đạo sư Kagyu vĩ đại và là người đề xướng phong trào Ris-med (2) (Rimé) đã nói rằng, *một bậc hiền minh sẽ có niềm tin nơi giáo lý của tất cả các dòng phái, sẽ yêu quý Giáo Pháp tìm được trong mỗi dòng phái đó giống như một bà mẹ thương yêu tất cả những đứa con của bà. Tâm một bậc hiền minh như thế bao la như bầu trời, có nhiều khả năng để đón nhận nhiều giáo lý, nhiều sự nội quán, nhiều sự thiên định. Nhưng tâm của một kẻ bộ phái ngu dốt thì giới hạn, chật chội, và hẹp hòi như một cái bình chặt cứng [không thể nào buông ra]. Một tâm hồn như thế rất khó phát triển trong Pháp, do bởi những giới hạn tự áp đặt cho chính mình. Sự khác biệt giữa Phật tử hiền minh và Phật tử bộ phái thì giống như sự khác biệt giữa sự bao la của không gian và sự chật hẹp của một cái bình. Đây là những lời dạy của Kongtrul Rinpoche.*

Nhà hiền triết vĩ đại của trường phái Sakya là ngài Sapan đã viết trong tác phẩm 'Ba Giới nguyện' của ngài rằng khi còn trẻ, ngài đã nghiên cứu rộng rãi kinh văn của tất cả những

dòng phái của Tây Tạng dưới chân những Đạo sư khác nhau. Ngài đã thực hiện những nỗ lực đặc biệt để học tập, thông suốt, và chứng ngộ những giáo thuyết của những trường phái khác nhau này và không bao giờ xem thường bất kỳ phái nào. Ngài yêu quý tất cả những trường phái ấy.

Long-chen Rab-jampa, học giả vĩ đại của trường phái Nyingma, cũng thực hành tương tự. Ngài thọ nhận sự truyền Pháp từ những Đạo sư của tất cả bốn dòng phái không chút phân biệt.

Từ tiểu sử của Đức Tsongkhapa vĩ đại, chúng ta biết được rằng ngài cũng nghiên cứu rộng rãi dưới chân những Đạo sư của mọi dòng phái.

Ngài Khyentse Wangpo vĩ đại, bậc Thầy xuất sắc của Ris-med, của phong trào không bộ phái, đã viết trong tự truyện của ngài rằng khi ngài còn trẻ, ngài đã nghiên cứu học hỏi dưới chân một trăm năm mươi Đạo sư của tất cả bốn dòng phái của Phật Giáo Tây Tạng.

Ngài Jamgon Kongtrul Rinpoche, một Đạo sư Ris-med khác, đã đưa tất cả những giáo lý cốt

tửy của mỗi một trong bốn trường phái, cũng như những tiểu phái vào kiệt tác vĩ đại 'Kho Tàng Giáo Lý' của ngài. Tất cả những Đạo sư vĩ đại này, những tâm hồn vĩ đại nhất mà lịch sử Phật Giáo Tây Tạng từng sản sinh ra, đều đồng ý rằng một thái độ bộ phái không có chỗ đứng trong Giáo Pháp thanh tịnh. Bản thân Đức Phật đã giảng dạy trong Luật tạng và trong những Kinh tạng khác nhau rằng những Phật tử vướng mắc vào trường phái Phật Giáo của riêng họ và khinh miệt những giáo lý cùng Đạo sư và đệ tử của những dòng phái khác, thì chính họ sẽ tạo nên mối tai họa to lớn cho bản thân họ và cho cộng đồng Phật Giáo nói chung.

*Trước hết, người coi thường trường phái Phật Giáo khác là coi thường Đức Phật. Họ làm suy yếu sự truyền bá Giáo Pháp. Một thái độ như thế sẽ tạo nguy hại cho Giáo Pháp và người ấy sẽ bị cô lập với sự truyền dạy của Pháp. Bởi vì những giới nguyện quy y của ta được đặt căn bản trên sự tin cậy vào Đấng Giác ngộ, Giáo Pháp của Ngài, và Thánh Chúng (Tăng Đoàn Thiêng liêng). Nếu ta bác bỏ Giáo Pháp, ta sẽ làm gãy bể giới nguyện quy y của mình và bằng cách ấy, ta tách rời khỏi Pháp. Bằng cách bác bỏ Giáo Pháp này*

– cánh cửa duy nhất dẫn tới hạnh phúc của chúng sinh và của bản thân – ta tích tập vô vàn tội lỗi.

Do đó, Đức Phật đã giảng dạy rằng ta cũng không nên khinh miệt Pháp của những người phi-Phật tử bởi đó là suối nguồn hạnh phúc và lợi lạc của họ. Ta không nên xem thường hay nuôi dưỡng sự khinh miệt đối với những giáo thuyết của các tín đồ Ấn giáo, Cơ Đốc giáo, hay những tôn giáo phi-Phật giáo khác bởi thái độ dính mắc vào khía cạnh của riêng ta trong khi bác bỏ khả năng của sự dị biệt chỉ có hại cho sự nghiệp tâm linh của ta.

Những người nuôi dưỡng sự khinh miệt dù được nói ra hay không được bộc lộ đối với những giáo lý và dòng truyền thừa của những trường phái khác nhau này thì cũng sẽ phải gánh chịu tội lỗi to lớn và những hậu quả khủng khiếp. Thái độ tệ hại này không cần thiết giống như chính hậu quả tai hại của nó.

Những người học Pháp, dựa vào niềm tin nơi giáo lý của Đức Phật, hãy từ bỏ sự phóng dật, mê lầm, và những trói buộc của thế gian; và hãy

hướng mọi nỗ lực vào việc tịnh hóa tâm thức thoát khỏi những chướng ngại, những ngăn che, và những tội lỗi. Họ nên hiến mình cho những nỗ lực trong việc tích tập những đức hạnh và những chứng ngộ dẫn tới Phật Quả, và hướng về những lợi lạc to lớn cho bản thân họ và những người khác. Đây là phận sự chân chính mà mỗi Phật tử cần có ở trước mặt họ. Công việc của ta không phải là ganh đua hay cạnh tranh với những hành giả Phật tử khác, bởi điều ấy chỉ tạo nên những chướng ngại cho họ và cho bản thân ta. Đây không phải là trách nhiệm đặt trước chúng ta khi ta thọ những giới nguyện quy y và giới nguyện Bồ Tát.

Niềm tin là nền tảng của Pháp. Chính niềm tin nơi tính chất xác thực và chân lý của Phật Pháp và sự tin tưởng mãnh liệt vào hiệu quả của con đường dẫn tới Giác ngộ, là những gì đã thúc đẩy chúng ta thọ nhận những cam kết của các giới nguyện tu sĩ, những giới nguyện sa di, hay những giới luật của cư sĩ tại gia.

Trong tất cả những giới nguyện này, niềm tin nơi tính chất xác thực của Tam bảo là nền tảng của những giới nguyện và công phu tu hành mà

chúng ta đã cam kết. Nếu ta bác bỏ Pháp của những Phật tử khác thì ta phá hủy sự cam kết của ta với Pháp. Ta phá hủy chỗ đứng của ta trong Pháp và tạo nên một sự chướng ngại cho sự tiếp nhận của Pháp. Ta phá hủy nền tảng của sự nghiệp tâm linh của riêng ta.

Vì những lý do này, hãy luôn luôn gìn giữ trong tâm giá trị vĩ đại của Pháp. Hãy loại bỏ trong bản thân bạn và trong những người khác bất kỳ thái độ nào thúc đẩy sự giảm thiểu niềm tin. Chúng ta luôn luôn nỗ lực để có niềm tin trong sạch – niềm tin thông tuệ được đặt nền tảng trên sự thấu hiểu rằng chúng ta phải yêu quý Tam Bảo như đây là nền tảng để ta hy vọng đạt được Phật Quả.

Những người chấp nhận thái độ hẹp hòi bộ phái này thường không biết tới những giáo lý mà những dòng phái khác có. Thay vào đó họ đặt thái độ bộ phái của họ lên trên dòng truyền thừa. Họ chối bỏ những vị thầy như là chối bỏ những giáo lý của những trường phái khác.

Những dòng truyền của mỗi một trong ba hệ thống giới luật, là những gì tạo nên cấu trúc của

Pháp để rèn luyện mọi Phật tử, tất cả được bắt nguồn trực tiếp từ chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Những giới nguyện Biệt Giải thoát khởi đầu từ Đức Phật và được truyền liên tiếp qua những nhà hiền triết Ấn Độ vĩ đại tới những bậc nắm giữ dòng phái Tây Tạng. Những dòng truyền ấy đã tiếp nối trong một sự liên tục thanh tịnh và không đứt đoạn cho tới thời hiện đại của chúng ta.

Những giáo thuyết sâu xa và những giới luật của năm giới nguyện Bồ Tát thì cũng thế, đều do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy và được truyền sang những bậc hiền triết Phật Giáo Ấn Độ và Tây Tạng. Từ Đạo sư Nagarjuna (Long Thọ) chúng ta có ‘truyền thống Văn Thù’ của những giới nguyện Bồ Tát và từ Đạo Sư Asanga (Vô Trước) và những người kế thừa của ngài chúng ta có ‘truyền thống Di Lặc.’

Tương tự như thế, trong Kim Cương thừa, tất cả những Mật điển được Đức Phật thuyết giảng trong thân tướng Kim Cương thừa của Ngài – thân tướng của Đức Phật Vajradhara (Kim Cương Trì). Những Tantra (Mật điển) này và những giáo huấn trong ấy được trao truyền từ

Đức Vajradhara tới những Đạo sư khác nhau của Phật Giáo Tây Tạng. Cũng chính những Mật điển và giáo huấn đó đã được truyền dạy một cách thanh tịnh, không đứt đoạn, xuống tới thời hiện đại. Những Tantra (Mật điển) này và những giáo huấn trong ấy thuộc về toàn thể bốn dòng phái. Mặc dù dòng truyền thừa của những Đạo sư có thể thay đổi từ dòng này sang dòng khác, nhưng trong sự thanh tịnh và liên tục của sự truyền dạy của những giáo huấn ấy thì không có lỗi lầm nào.

Ba phân loại giới nguyện này (Biệt Giải Thoát, Bồ Tát và Kim Cương Thừa) cung cấp một khung sườn hay cấu trúc khiến cho mỗi người trong chúng ta đều có thể tiến bộ trên con đường dẫn tới giải thoát. Như thế, không có lỗi lầm trong bất kỳ trường phái nào, hay trong những giáo thuyết hoặc dòng truyền thừa của những giáo lý ấy. Một người thông tuệ có thể tìm được lý lẽ bào chữa cho tính cách bộ phái ở nơi đâu trong tất cả những trường phái này?

Chắc chắn là việc thật tự nhiên và có thể chấp nhận được khi chúng ta có thể cảm thấy một sự ưa thích đặc biệt trường phái này hay trường



phái khác, hay bị cuốn hút vào một hệ thống thực hành đặc biệt nào đó, hay vào một nhóm đặc biệt những thiền giả hay vào một vị thầy đặc biệt chẳng hạn. Nhưng khi ta làm điều đó, chúng ta cũng phải quả quyết nhìn vào tâm ta và loại trừ khỏi tâm bất kỳ cảm xúc nào liên quan đến sự xem thường hay có ác cảm với những trường phái Phật Giáo khác. Chúng ta không nên xa lánh những giáo lý và những vị thầy của những trường phái Phật Giáo khác. Bất kỳ khi nào chúng ta hành động chỉ vì sự dính mắc vào dòng phái của riêng ta hay từ một ước muốn [cho rằng ta] không dễ chấp nhận những giáo lý hay những vị thầy của những dòng phái khác, thì chúng ta đang đắm mình trong thái độ hết sức tai hại này của tinh thần chia rẽ bộ phái. Một người mà sự nghiệp tâm linh bị ô uế bởi tư tưởng hẹp hòi và sự dính mắc vào những lợi lạc của riêng mình trong khi chối bỏ những lợi lạc của người khác, người ấy sẽ chẳng bao giờ vượt qua được những chướng ngại để đạt được trí tuệ hay nội quán sâu sắc.

Tinh thần bộ phái biến Giáo Pháp thành tịnh thành thuốc độc mà qua đó, ta tích tập tội lỗi khủng khiếp. Trong đời này ta sẽ bị ngăn trở

trong những nỗ lực về Pháp của ta. Vào lúc chết, ta sẽ rơi vào địa ngục nhanh như một mũi tên được bắn ra từ một cây cung. Đây là những hậu quả của việc trải một đời người trong việc chối bỏ những nỗ lực tâm linh của người khác dựa trên những nền tảng tư tưởng hẹp hòi như thế.

Do đó hãy tỉnh thức, đừng đắm mình trong thái độ này, nó mang lại cho bạn rất nhiều tai họa mà bạn không muốn tìm kiếm. Đừng tạo nên những chướng ngại cho [việc thực hành] Pháp của riêng bạn. Thay vào đó, hãy nỗ lực để có niềm tin thanh tịnh và hãy duy trì niềm tin đó trong tất cả những biểu lộ khác nhau của Tam Bảo, cho dù Tam Bảo được hiện thân trong trường phái này hay trường phái khác của Phật Giáo Tây Tạng. Hãy chịu khó nuôi dưỡng những giới nguyện quy y và niềm tin thanh tịnh của bạn, và bằng cách ấy, hãy thực sự lớn mạnh trong Đạo Pháp.

---

*Nguyên tác của Deshung Rinpoche (Sakya).*

*Bản dịch Anh ngữ của Jared Rhoton, California.*

*Bản dịch Việt ngữ của Thanh Liên.*

## TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

[www.quietmountain.org/links/teachings/nonsect.htm](http://www.quietmountain.org/links/teachings/nonsect.htm)

### *Chú thích:*

*Deshung Rinpoche III (1906-1987) là một Lạt ma cao cấp của trường phái Sakya. Ngài tới Seattle (Washington, Hoa Kỳ) năm 1960 và giảng dạy tại Đại học Washington. Tái sinh của đời thứ IV của ngài tên là Sonam Wangdu sinh ngày 12/11/1991 tại Seattle, có pháp danh là Ngawang Kunga Tegchen Chokyi Nyima, hiện ở Tu viện Tharlam (Kathmandu, Nepal).*



## **ĐƯỜNG ĐI CỦA PHẬT**

**Đạo Sư Và Đệ Tử**

*“Bao nhiêu năm qua rồi... Bây giờ, Thầy muốn nói với con rằng... Bên ngoài, chúng ta giữ nghi lễ thầy trò, nhưng bên trong, chúng ta là một. Thầy và con là một.*

*Khi tâm của chúng ta tràn đầy yêu thương và tỉnh giác thì chúng ta hợp nhất, chúng ta là một. Tâm chúng ta là một. Bên ngoài chỉ là lễ nghi, nhưng bên trong, chúng ta luôn hợp nhất.”*

*Garchen Rinpoche (2008)*

**Phá Tan Nghi Hoặc Về Những Lời  
Khuyên Dạy Của Đạo Sư**

*Đức Đạt Lai Lạt Ma*

---

Nói đến cúng dường công phu tu hành thì điều này có nghĩa là luôn luôn sống phù hợp với những giáo lý mà bậc Đạo Sư [hay Sư Phụ] đã ban cho ta. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra một khi Sư Phụ ban cho ta những lời khuyên dạy mà ta không có ý muốn noi theo, hoặc ban cho ta những chỉ bảo đi ngược lại với Pháp, ngược lại với lẽ phải? Thước đo mà chúng ta phải sử dụng trong những trường hợp như thế là phải luôn luôn dựa trên lý lẽ [dựa trên những điều hợp lý, hợp lẽ] và dựa trên những lý giải [đúng đắn] của Đạo Pháp. Bất kỳ những lời khuyên dạy nào đi ngược lại với những điều trên thì chúng ta cần phải loại bỏ. Đây cũng là điều mà Đức

Phật đã từng tuyên thuyết. Nếu ta nghi ngờ về tính chất xác thực của những điều mà Sư Phụ ta đã phát biểu thì ta cần phải xoáy mạnh vào điểm đó và [tìm cách] phá tan mọi nghi hoặc. Việc này trở nên có phần tế nhị hơn nữa trong Tối Thượng Mật Điển, khi mà ta cần phải hoàn toàn quy phục đấng Đạo Sư vì đây là một đòi hỏi tiên yếu mà ta cần phải có. Nhưng ngay cả trong trường hợp như vậy thì sự thuần phục tuyệt đối này cũng chỉ có thể được tuân thủ trong một ý nghĩa đặc biệt nào đó. Nếu Đạo Sư chỉ về hướng đông và bảo ta đi về hướng tây [nói một đường, bảo làm một nẻo] thì thật sự, người đệ tử sẽ có rất ít sự lựa chọn ngoại trừ việc phải lên tiếng phản nài về điểm này. Tuy nhiên, điều này phải được người đệ tử nêu lên với tất cả lòng tôn kính và khiêm cung bởi vì nếu ta để lộ ra bất kỳ niềm bất kính hay tiêu cực nào đối với bậc Đạo Sư thì đây không phải là phương cách cao quý để đáp lại lòng từ của Sư Phụ.

Khi ta nhìn thấy ra lỗi lầm của Sư Phụ thì ta không nên để điều này trở thành lý do khiến ta đánh mất lòng tôn kính đối với Thầy, bởi vì khi bậc Đạo Sư phê bày những lỗi lầm này thì Thầy

ta đang thật sự chỉ cho ta thấy những điều chính ta cần phải từ bỏ. Tệ lắm thì một lối nhìn như vậy cũng là một thái độ tích cực mà ta nên noi theo. Điểm quan trọng ở đây là người đệ tử phải có một tinh thần cầu học hết sức chân thành và cần phải có một sự quy ngưỡng sáng suốt thay vì chỉ dựa vào lòng sùng mộ mù quáng.

Thường khi chúng ta nghe nói rằng tinh túy của việc luyện tập pháp tu Bốn Sư Du Già (Guru Yoga) là để phát triển phương tiện thiện xảo giúp ta nhìn thấy tất cả những gì Sư Phụ ta làm cũng thay đều hoàn hảo. Trên phương diện cá nhân thì bản thân tôi không mấy thích nhìn thấy điều này được thực hành một cách quá đà. Lắm khi, chúng ta đọc thấy trong kinh văn ghi chép như sau, *“Mọi hành động [của Đạo Sư] đều được xem như là hoàn hảo.”* Tuy nhiên, câu văn trên phải được suy gẫm dựa trên chính lời tuyên thuyết của Đức Phật Thích Ca rằng, *“Hãy chỉ chấp nhận những giáo huấn của ta sau khi đã quán xét kỹ càng những giáo huấn ấy, giống như một người buôn vàng lão luyện. Đừng chấp nhận bất cứ điều gì nếu chỉ dựa vào tín tâm đối với cá nhân ta.”* Có một vấn đề đối với pháp tu mà trong đó ta phải nhìn thấy tất cả những gì



bậc Đạo Sư làm thầy đều hoàn hảo, đó là việc này có thể dễ dàng biến thành chất độc cho cả Đạo Sư lẫn đệ tử. Do đó, bất cứ khi nào tôi hướng dẫn về pháp tu [Bốn Sư Du Già] thì tôi luôn luôn chủ trương rằng ta không nên xoáy mạnh vào truyền thống tu tập cho rằng “mọi hành động [của Đạo Sư] đều được xem như là hoàn hảo.” Giả sử nếu bậc Đạo Sư hay Sư Phụ của ta phô diễn những đặc tính rất phi-Đạo Pháp [những đặc tính không phù hợp với Pháp] hoặc là vị ấy ban cho ta những giảng dạy đi ngược lại với Giáo Pháp, thì hướng dẫn liên quan đến việc nhìn thấy vị Đạo Sư tâm linh của ta thật hoàn hảo bắt buộc phải nhường bước cho lý lẽ phải trái và cho tuệ giác [rút tĩa ra được từ] Giáo Pháp.

Hãy thử lấy cá nhân tôi làm ví dụ. Bởi vì rất nhiều những vị Đạt Lai Lạt Ma tiền nhiệm trong quá khứ đều là những vị hiền giả vĩ đại và bởi vì tôi được xem như là hoá thân của các vị ấy, và cũng bởi vì, trong kiếp sống này, tôi thường xuyên giảng dạy đạo giáo, nên nhiều người đã đặt rất nhiều lòng tin tâm của họ vào tôi, và trong pháp tu Bốn Sư Du Già của họ, họ quán tưởng tôi như là một vị Phật – tôi cũng được họ

xem như là vị lãnh đạo thế tục của họ. Bởi vì vậy, trong mỗi tương quan giữa cá nhân tôi với người dân của tôi, giữa cá nhân tôi với một chính quyền có hiệu lực của tôi, thì những giáo lý về “mọi hành động [của Đạo Sư] được xem như là hoàn hảo” có thể dễ dàng trở thành chất độc cho chính tôi. Trong thâm tâm, tôi rất có thể nghĩ rằng, “Tất cả họ đều nhìn thấy ta như là một vị Phật, và vì vậy mà họ sẽ đều chấp nhận bất cứ điều gì mà ta bảo với họ.” Quá nhiều lòng tin tâm và một tri kiến dựa trên sự thuận tiện giả đặt, gán ghép sẽ có thể dễ dàng làm cho mọi chuyện trở nên xấu xa. Tôi luôn luôn có lời khuyên rằng, trong đời sống của những hành giả bình thường, ta không nên đào sâu hay nhấn mạnh về những giáo huấn cho rằng ta phải nhìn thấy mọi hành động của bậc Đạo Sư như là những hành động hoàn hảo. Thật là một việc vô cùng đáng tiếc nếu Phật Pháp, dựa trên những lý giải thâm diệu, lại phải nhường chỗ cho [giáo huấn trên].

Có thể bạn sẽ nghĩ rằng, “Chắc Đức Đạt Lai Lạt Ma chưa đọc kinh văn *Lam Rim*. Ngài không biết rằng chẳng thể nào có được một con đường tu nếu không có Sư Phụ.” Tôi không có ý bất kính

đối với những giáo lý của *Lam Rim*. Người học trò trên con đường tu tập tâm linh phải nên nương tựa vào vị thầy và nên thiền quán về lòng từ và những đức tánh thiện lành của vị thầy; nhưng đối những giáo huấn cho rằng ta phải nhìn thấy những hành động của Thầy đều là những hành động toàn hảo, thì những giáo huấn này chỉ có thể được đem ra áp dụng trong một bối cảnh tổng quan của Giáo Pháp và những giáo huấn ấy phải dựa trên những phương thức hợp lý đưa đến sự hiểu biết mà Giáo Pháp ấy chủ trương và cố võ. Bởi vì giáo huấn dạy ta nhìn thấy mọi hành động của Đạo Sư luôn luôn hoàn hảo là những giáo huấn đã được vay mượn từ Tối Thượng Mật Điển và những giáo huấn này đã xuất hiện trong kinh văn của *Lam Rim* cốt yếu là để chuẩn bị cho hành giả tu tập bước vào những pháp tu mật [của Tối Thượng Du Già], và vì vậy cho nên những kẻ sơ tu [còn đang chập chững trên đường tu] phải rất cẩn thận khi hành trì theo những giáo huấn này. Còn đối với những vị Đạo Sư tâm linh, nếu họ diễn giải sai lạc mật giới này của pháp tu Bốn Sư Du Già vì muốn lợi dụng những người đệ tử ngây thơ nhẹ dạ, thì hành động của họ cũng giống như là đang đổ

giòng lửa tuôn trào của cõi địa ngục vào ngay trong bụng của chính họ.

Người đệ tử phải luôn luôn gìn giữ những lý giải và hiểu biết của Phật Pháp như là những nguyên lý chính yếu. Nếu không đi theo phương cách này thì sẽ khó khăn vô cùng để có thể thâm nhập được kinh nghiệm tu tập Giáo Pháp của bản thân. Hãy quán xét thật rất ráo trước khi nhận một ai đó làm Đạo Sư, và ngay cả như vậy rồi thì sau đó, hãy theo chân thầy của mình trong khuôn khổ và quy ước của những lý giải đã được Đức Phật đề ra. Phần lớn giáo huấn dạy ta phải nhìn thấy mọi hành động của Đạo Sư đều hoàn hảo là những giáo huấn nên để dành riêng cho các pháp tu của Tối Thượng Mật Điển, khi mà những giáo huấn ấy sẽ khoác vào mình một ý nghĩa mới. Một trong những pháp tu du già chính yếu trong Mật Thừa là nhìn thấy thế giới này như là một mạn-đà-la của đại lạc và nhìn thấy bản thân ta và tất cả những người khác quanh ta như là những vị Phật. Trong trường hợp như vậy thì thật là vô lý, ngớ ngẩn không thể tưởng nếu ta nghĩ rằng ta và tất cả ai khác đều là Phật trong khi Sư Phụ của mình thì lại không phải là Phật!

Thật ra, càng nhận được nhiều sự kính trọng thì ta lại càng phải trở nên khiêm cung hơn, nhưng mà đôi khi, nguyên lý hành xử này lại bị đảo lộn. Một vị Đạo Sư tâm linh phải canh giữ chính mình thật nghiêm ngặt và phải ghi nhớ lời dạy của Lama Drom Tonpa, *“Hãy tận dụng sự kính trọng người khác đối với ta như là một nguyên nhân để khiêm cung.”* Đây là trách nhiệm của một bậc thầy. [Trong khi] người đệ tử thì lại có trách nhiệm phải tận dụng trí tuệ của mình khi thể hiện lòng tín tâm và kính trọng đối với thầy.

Vấn đề nằm ở chỗ ta thường chỉ muốn tuân theo giáo lý nào thoả mãn được vọng tâm mê lầm của ta và vất bỏ qua bên những giáo lý giúp ta vượt thoát những mê lầm đó. Tình trạng buông thõng, dễ dãi này có thể dễ dàng đưa ta đến sự vấp ngã. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng những giáo huấn dạy ta phải nhìn thấy tất cả mọi hành động của Đạo Sư đều là những hành động hoàn hảo lại có thể trở thành thuốc độc hại ta. Rất nhiều những vấn đề chia rẽ bộ phái ở Tây Tạng đã nảy sinh và được nuôi dưỡng bởi giáo huấn này.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ Nhất có viết rằng, *“Một vị Đạo Sư tâm linh chân chính nhìn tất cả chúng sinh với những tư tưởng tràn đầy yêu thương, và tỏ lòng kính trọng đối với tất cả những vị thầy của tất cả các truyền thống y hệt như nhau. Một người như thế chỉ gây tai hại cho chính vọng tâm mê lầm - kẻ thù bên trong - mà thôi.”* Những truyền thống tu tập khác nhau đã khởi sinh chủ yếu như là những nhánh tu của các phương tiện thiện xảo dành cho những tu sinh với căn cơ khác nhau. Nếu chúng ta tách riêng một khía cạnh nào đó trong những giáo lý này ra, chẳng hạn như mật giới nói về *“tất cả mọi hành động [của Đạo Sư] đều phải được xem như là toàn hảo,”* rồi sử dụng giáo huấn đó vào những mục đích chia rẽ bộ phái thì làm sao chúng ta có thể đền đáp ơn sâu của những bậc Thầy trong quá khứ đã giảng dạy và truyền bá Giáo Pháp cho ta? Chẳng phải là ta đã làm hổ thẹn các bậc Thầy ấy sao? Nếu chúng ta đã hiểu lầm và thực hành sai lạc những giáo lý của chư Đạo Sư thì điều này khó lòng có thể làm cho các Đạo Sư hoan hỷ. Cũng tương tự như thế, thật là phước đức nếu một vị Lạt-ma cử hành các nghi lễ hoặc ban lễ điểm đạo để đem lại lợi lạc cho mọi người, nhưng nếu động lực để làm những việc ấy

thuần túy là để thủ lợi về vật chất, thì tốt hơn hết cả là vị thầy đó nên đi làm ăn buôn bán. Sử dụng Đạo Pháp như chiếc mặt nạ để lợi dụng mọi người là một hại họa to lớn.

Chúng ta dựng lên những bệ thờ công phu diêm dúa và tham dự vào những cuộc hành hương dài ngày, nhưng tốt hơn cả những việc này là ta nên nhớ đến những giáo lý của Đức Phật, “Không bao giờ tạo bất kỳ việc xấu ác nào; luôn luôn tạo điều thiện lành; và đưa tất cả công phu tu tập vào việc phát triển tâm.” Nếu công phu tu hành của ta làm tăng trưởng vọng tâm mê lầm, làm tăng trưởng tánh xấu ác tiêu cực và trạng thái tâm thức hỗn loạn, thì ta biết rằng có điều gì sai trái ở đây rồi.

Đôi khi ta nghe nói rằng nguyên nhân chính yếu đưa đến sự xuống dốc của Đạo Phật tại Ấn Độ tám trăm năm về trước chính là việc tu luyện Kim Cương Thừa của những người không đủ tiêu chuẩn [thiếu khả năng hay thiếu phẩm hạnh], cùng việc chia rẽ bộ phái phát sinh từ sự lũng đoạn, thối nát trong Tăng đoàn. Bất kỳ ai giảng dạy về Phật Giáo Tây Tạng đều phải nên ghi nhớ điều này trong lòng mỗi khi nhắc đến

## TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

mật giới “mọi hành động của đấng Đạo Sư đều phải được xem như là hoàn hảo.” Đây là một giáo huấn cực kỳ nguy hiểm, nhất là cho những kẻ sơ tu.

---

*Bài giảng trên đây của đức Đạt Lai Lạt Ma (Gelug), trích từ tập sách “Path to Enlightenment” (Đường Đến Giác Ngộ), đã được đăng tải trên trang nhất của tạp chí định kỳ Snow Lion, Mùa Hè 2009, Ấn bản 23, Số 3, ISBN 1059-3691 BN:86605-3697.*

*Tâm Bảo Đàn chuyển Việt ngữ.*



**VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA  
ĐẠO SƯ VÀ ĐỆ TỬ**

*Đức Karmapa thứ 17  
Orgyen Thinley Dorje*

---

*Pháp thoại của Đức Gyalwang Karmapa, Orgyen  
Thinley tại đại lễ Kagyu Monlam, Bồ Đề Đạo Tràng  
ngày 4 tháng 1 năm 2009.*

Khi đức Milarepa theo ngài Marpa tu tập thì trong lúc đầu, ngài Marpa chẳng ban cho đức Milarepa gì cả ngoại trừ sự khó khăn. Trong suốt một thời gian dài, ngài Marpa chẳng ban cho đức Milarepa một quán đánh hay giáo huấn nào nhưng lòng sùng mộ của đức Milarepa đối với vị đạo sư của mình tuyệt nhiên không chút

nào bị suy suyển mặc dù nhiều lần, đức Milarepa đã có phần bị thối chí.

Chúng ta, những người đệ tử đang theo dấu chân những đấng chiến thắng tiền bối của dòng truyền thừa Kagyu, có mặt ngày hôm nay để tu tập. Từ góc độ đó, tôi nghĩ rằng sẽ là điều tốt lành nếu trong khóa lễ này, tôi nói vắn tắt về mối quan hệ đạo sư – đệ tử trong bối cảnh của phần đầu của đại lễ Kagyu Monlam.

Nơi tổ chức đại lễ Kagyu Monlam lần thứ 26 này có những đặc điểm mới, như cách bố trí các công chính chẳng hạn, và vân vân. Và tôi nghĩ sẽ là điều tốt để chỉ ra một cách vắn tắt ý nghĩa tượng trưng của bánh torma [theo cách trang trí mới mẻ này]. Các bánh torma chính dùng để trang trí [trong đại lễ lần này] như sau: ở bên phải là các bánh mà trên đó có hình ảnh của các ngài Marpa, Milarepa và Gampopa, và ở bên trái là những chiếc bánh trên đó có hình ảnh của các bậc tiền bối của phái Cựu dịch tức dòng Nyingma, cũng như dòng Sakya vinh quang, và dòng Geluk.

Nguyên tắc chính yếu mà các bánh torma này

minh họa là: khi chúng ta nghiên cứu giáo lý Phật giáo Tây Tạng thì chúng ta sẽ thấy rằng, về cơ bản, chẳng có dòng truyền thừa nào lại chẳng hòa trộn với các dòng truyền thừa khác. Khi ba Pháp vương Songsten Gampo, Trisong Deutsen, và Tri Ralpachen lần đầu tiên thiết lập nền móng Phật giáo tại Tây Tạng, dòng truyền thừa nổi trội lúc ấy được biết đến dưới cái tên 'Dòng phái Mật tông Nyingma'. Do đó, Nyingma là dòng phái Phật giáo đầu tiên ở Tây Tạng. Sau đó, dưới thời vua Langdarma, giáo Pháp đã bị quét sạch khỏi Tây Tạng, rồi sau đó một thời gian giáo Pháp lại tiếp tục được truyền bá. Đó là sự khác biệt giữa các phái Cựu dịch và Tân dịch.

Sau đó, dòng truyền khẩu truyền của các bậc thầy Kadampa được trao truyền từ ngài Atisha tôn quý, và từ đó các dòng truyền thừa Sakya, Kagyu, và Geluk lần lượt xuất hiện. Các giai đoạn tu tập, cùng với những điểm khởi đầu căn bản của tất cả các dòng truyền thừa này đều giống như nhau. Các dòng truyền thừa riêng biệt khác nhau xuất hiện là do những dòng truyền riêng biệt từ các bậc đạo sư khác nhau và cách dạy của các ngài có khác nhau; tuy nhiên, về cơ bản, chẳng có một dòng truyền thừa nào

mà lại không hòa trộn các dòng truyền thừa khác. Tóm lại, tất cả các dòng truyền thừa Tây Tạng được truyền xuống trong mối quan hệ hòa trộn với nhau; tất cả đều có một điểm chung đó là: những kết nối về Pháp và những kết nối về mật nguyện (samaya).

Thỉnh thoảng có một vài sự cố nhỏ nhỏ xảy ra giữa các dòng truyền thừa, bởi vì mỗi dòng truyền thừa khác nhau có cách hành xử khác nhau và điểm nhấn khác nhau. Đôi lúc, một số người do không hiểu cách tu tập cảm thấy thất vọng trước sự khác biệt đó và, cũng bởi lý do đó, vài sự cố nhỏ nhỏ đã xảy ra. Tuy nhiên, như ngài Marpa đã nói, khi ngài bắt đức Milarepa trải qua muôn vàn gian khó không thể tưởng tượng nổi; và mặc dù một người phàm phu có thể thoát nghĩ lúc đầu rằng ngài tuyệt nhiên chẳng có chút lòng bi mẫn nào đối với đức Milarepa, thì thực ra ngài Marpa làm như vậy là để đức Milarepa tịnh hóa ác nghiệp và chướng ngại của mình. Rõ ràng là ngài Marpa không hành động như vậy vì sở thích riêng tư của mình hay hành động mà chẳng hề có mục đích hoặc lý do nào cả.

Như vậy, nếu chúng ta xem những câu chuyện ấy như những tấm gương thì trong suốt chiều dài lịch sử các dòng truyền thừa Tây Tạng tồn tại cho đến ngày nay - chẳng có dòng truyền thừa nào là ngoại lệ - thì luôn có những đạo sư thể hiện những hành động, những mẫu hành xử, những tấm gương cuộc đời rất khác biệt. Kẻ phạm phu không hiểu biết gì về giáo Pháp có thể nhìn vào các hành động đó rồi sinh ác cảm, mất niềm tin và phạm tà kiến. Nhưng chẳng có điều gì cho phép chúng ta nói rằng các hành động đó, các mẫu hành xử đó, về bản chất, là không nhất quán hay trái với giáo Pháp.

Do đó, sự hiện diện của các hình ảnh của các bốn sư hay đạo sư của tất cả các dòng truyền thừa Phật giáo Tây Tạng ở đây, trong ngày hôm nay, có một ý nghĩa là tất cả các dòng truyền thừa của Phật giáo Tây Tạng chẳng là gì khác hơn là giáo Pháp của đức Phật: *Tất cả các dòng truyền thừa đều giống nhau*. Một ví dụ là mười tám tông phái trong thời kỳ đầu của Phật giáo. Như được khẳng định trong câu chuyện kể về linh ảnh trong giấc mộng của vua Krikin: tất cả mười tám tông phái này đều giống nhau ở chỗ

tất cả đều là giáo Pháp của đức Phật. Tương tự như vậy, điều rất quan trọng là mỗi chúng ta phải biết quán xét và suy ngẫm về ý nghĩa này. Tôi nghĩ rằng chỉ khi nào việc này được thực hiện thì chúng ta mới có thể trì giữ mật nguyện đối với các vị đạo sư gốc và đạo sư của dòng truyền thừa mà không hề xảy ra sự xung đột hay phạm giới. Vấn đề quan trọng là tất cả chúng ta phải trải rộng tâm thức theo hướng này.

Một điểm quan trọng khác là nếu chỉ nghĩ về 'mối quan hệ đạo sư – đệ tử' trong phạm vi các đạo sư mà chúng ta đã trực tiếp gặp gỡ hay có quan hệ mà không màng đến các đạo sư khác thì vẫn chưa đủ. Có nhiều loại đạo sư, như bốn sư và đạo sư của dòng truyền thừa chẳng hạn. Do đó, khi nói đến 'đạo sư' thì chúng ta phải mở rộng tầm nhìn đối với điều mà chúng ta hàm ý muốn nói. Chúng ta không thể chỉ xem những đạo sư mà chúng ta đã từng gặp gỡ hoặc nhìn thấy tận mắt trong kiếp sống này là những bậc thầy thực thụ và làm như mình chẳng hề quen biết bất kỳ vị thầy nào khác. Khi chúng ta đọc một bài khấn nguyện thiên định, dù rằng đó chỉ

là một bài ngắn, chúng ta luôn bắt đầu với việc khẩn cầu từng vị đạo sư của dòng truyền thừa, từ đức Phật Kim Cang Trì xuống bốn sư của chúng ta. Điều rất quan trọng là phải quán chiếu để hiểu tại sao cần thiết phải trân quý các vị lạt ma của dòng truyền thừa và niệm danh hiệu của các ngài.

Trong các dòng truyền thừa của chúng ta có rất nhiều chân sư vĩ đại thuộc mọi bộ phái và chúng ta quán tưởng các ngài như một ruộng công đức hiện hữu trong hình ảnh một hàng bảo châu ở chót đỉnh của dòng truyền thừa của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không nghĩ tưởng tới các ngài vào những lúc khác [ngoài thời khóa] trong khi lại vẫn luôn nói lời thệ nguyện làm lợi lạc cho chúng sinh và thực hành giáo Pháp, thì việc chúng ta quán tưởng ruộng công đức là vô nghĩa, vô ích. Cũng như vậy, khi chúng ta quán tưởng những hình ảnh sống động của các đạo sư dòng truyền thừa noi ruộng công đức, khi chúng ta hành động để làm lợi lạc cho chúng sinh và giáo Pháp, chúng ta phải nhớ nghĩ tới lòng tốt của các đạo sư dòng truyền thừa và noi theo gương của các ngài. Nếu chúng ta cho rằng chỉ cần tuân thủ huấn lệnh và tri kiến của vị

thầy chính trong tu viện [của chúng ta] mà thôi thì có lẽ chúng ta chẳng thực sự suy ngẫm gì về chính giáo Pháp. Có lẽ chúng ta chỉ nghĩ đến cơm ăn, áo mặc cho bản thân chúng ta mà thôi.

Vị sư trưởng trong tu viện của chúng ta là người có lòng tốt giúp đỡ chúng ta về cơm ăn, áo mặc. Nhưng nếu chúng ta chỉ lo tập trung đứng về phía vị đó và ủng hộ tất cả những gì vị đó làm hoặc nói thì chúng ta sẽ không thể suy nghĩ rộng, thoáng và hòa hợp với các nguyên lý, chủ đề chung của giáo Pháp trên phương diện tổng thể được. Cuối cùng thì sẽ như thể Phật pháp nguyên khối nguyên hình vững chắc, sống động bị vỡ ra thành nhiều mảnh nhỏ và chúng ta chẳng thể chỉ vào một mảnh nào đó để nói rằng: 'Đây chính là giáo Pháp của đức Phật'. Chúng ta sẽ tìm thấy khiếm khuyết ở mọi nơi và sẽ chỉ phạm phải tà kiến. Vì lý do đó, khi chúng ta biết nói đến các cụm từ 'các lạt ma gốc và các lạt ma dòng truyền thừa', thì điều rất quan trọng là cần phải biết các chữ đó có ý nghĩa gì.

Chúng ta phải có lòng sùng tín, mối quan tâm khao khát và niềm tin đối với các bổn sư và các



đạo sư của dòng truyền thừa, tự xác định mình là đệ tử của mỗi một đạo sư [trong số các đạo sư đó]. Với lòng sùng tín có cơ sở vững chắc và được ý thức một cách sâu sắc như vậy thì bất kỳ hoạt động tu tập và tu học nào mà chúng ta tham gia cũng sẽ hài hòa với giáo Pháp; và chúng ta sẽ hội đủ các tiêu chuẩn của một đệ tử đích thực của các đạo sư. Còn nếu không có được lòng sùng tín mạnh mẽ như vậy thì mọi thứ sẽ trở nên rất khó khăn đối với chúng ta. Đó là lý do tại sao hình ảnh đạo sư các dòng truyền thừa lại được thể hiện trên các bánh torma mà chúng ta đang có ở đây. Hình ảnh của các ngài không chỉ ở đây vì mục đích trang trí hay trưng bày cho người khác được thấy; những chiếc bánh torma này được làm ra để giúp chúng ta nhớ đến lòng tốt của các vị bổn sư và đạo sư của dòng truyền thừa đích thực của mình. Khi chúng ta nhìn thấy các bánh torma, chúng ta phải nhớ đến lòng tốt của các ngài và quán chiếu rằng nếu không có các ngài thì sẽ khó khăn cho chúng ta biết bao để bước qua được cánh cửa Phật pháp trân quý và để có cơ hội làm lợi lạc cho chúng sinh với tâm không phân biệt. Thật rất quan trọng để chúng ta suy ngẫm về điều này.

Chúng ta cần phải nghiên cứu về tiểu sử của các ngài Marpa và Milarepa mà tôi vừa tuyên đọc nhưng nếu chỉ đọc sách không mà thôi thì vẫn chưa đủ: chúng ta phải suy ngẫm, quán chiếu ý nghĩa và dẫn thân vào việc thực hành tu tập theo gương các đạo sư này, và tìm phương cách để ứng dụng ngay giáo Pháp vào cuộc sống của chúng ta. Nếu không thì việc đọc tiểu sử của ngài Milarepa ở đây chẳng có mục đích gì cả. Thay vào đó thì nghiên cứu sách triết học hoặc tu học thêm về giáo pháp luyện tâm có thể còn hay hơn.

Lý do khiến tôi cảm thấy nhất thiết phải tuyên đọc tiểu sử của đức Milarepa là để chúng ta có thể cảm nhận được cách tu tập mà một con người có thật đã thực sự hành trì [như thế nào] trong chính cuộc đời mình. Chúng ta có thể cảm thấy rằng mình tạo được một mối giao tiếp thân tình với một con người, như thể chúng ta có thể cầm lấy bàn tay của người ấy vậy. Dĩ nhiên là còn có nhiều câu chuyện cuộc đời của các vị đạo sư phi thường, như chư Phật và chư Bồ tát. Nhưng kẻ phàm phu không thể đặt tâm chăm chú vào các câu chuyện cuộc đời này, hướng chỉ

là nương theo để tu tập. Tuy nhiên, với ngài Milarepa, chúng ta có câu chuyện về một người hoàn toàn bình thường, lúc đầu phạm nhiều ác hạnh nhưng cuối cùng đã thực sự viên thành đạo quả với sự toàn tâm kiên định. Tôi nghĩ rằng chính câu chuyện có thật như vậy về một đạo sư chân thực sẽ là cái động lại trong tâm chúng ta và làm trái tim của chúng ta rung động.

*Nguyên tác của đức Karmapa thứ 17 (Karma Kagyu).  
Chuyển sang Anh ngữ bởi Dewar, Karma Choephel và  
Thượng tọa Ven. Lhundup Damchö cho Tổ chức Dịch  
thuật Anh ngữ Monlam.*

*Bản dịch Việt ngữ của Tiểu Nhỏ.  
Hiếu Thiện góp ý và hiệu đính.*

*<http://www.kagyumonlam.org>*

**Tất Cả Chư Phật  
Đều Nằm Trong Tâm Của Chúng Sinh**  
*(Đạo Sư Bên Ngoài và Đạo Sư Bên Trong)*

*Garchen Rinpoche*

---

*Câu hỏi:*

Theo con được biết, để có thể tu tập Kim-Cang Thừa, hành giả cần hội đủ các phẩm tính như Bồ-Đề tâm mạnh mẽ, trí tuệ sắc bén, và một sự tinh tấn mãnh liệt. Với những yêu cầu như trên thì Phật tử chúng con ở đây khó có thể là những bình chứa thích hợp. Nhưng [chúng con vẫn khao khát thực hành Kim-Cang Thừa], có lẽ là do đã có duyên tiền kiếp với Kim-Cang Thừa. Cũng có lẽ là vì lâu nay chúng con không được gần gũi với các đạo sư [nên chưa được hướng dẫn để có thể phát triển đầy đủ các phẩm tính].

Chúng con kính xin ngài ban cho lời chỉ dạy để chúng con có thể an tâm và vững bước tu hành.

*Trả lời*

---

Nếu muốn tu tập để đạt được chánh giác thì phải cần có trí tuệ và từ bi. Đó là hai phẩm tính hỗ trợ cho nhau. Khi trí tuệ được vun bồi thì nương vào trí tuệ mà từ bi sẽ phát triển. Có trí tuệ thì không thể nào không quan hoài đến tất cả chúng sinh không sót một ai. Và khi từ bi được vun bồi thì tự khắc trí tuệ cũng sẽ phát triển. Không ai có được trí tuệ và từ bi qua đêm mà phải vun bồi từng chút, từng chút, khởi đầu bằng những thực hành Bồ-Đề tâm tương đối, biết chăm sóc, thương yêu, hỷ xả với những người chung quanh trong một tinh thần vô chấp trước.

Riêng đối với các con là những hành giả muốn tu tập theo Kim-Cang Thừa thì các con còn phải vun bồi một cái nhìn hoàn toàn thuần tịnh. Kiến của các con phải luôn luôn là kiến thuần tịnh. Có được kiến thuần tịnh nghĩa là phải luôn luôn nhìn thấy bản chất của thế giới hiện tượng bên

ngoài và bên trong thấy đều thuần tịnh như nhau. Bên ngoài là thế giới mà chúng ta đang sinh sống. Bên trong của thế giới này là tất cả chúng sinh. Thế giới bên ngoài thuần tịnh. Chúng sinh bên trong thuần tịnh. Rồi nương vào kiến thuần tịnh này mà thực tập các giai đoạn tu tập quán tưởng Bốn Tôn Hộ Phật (yidam deity practice) theo truyền thống Kim-Cang Thừa để thuần tịnh hoá thân khẩu ý của chính mình.

Riêng về nỗi lo âu không có đạo sư ở gần bên để hướng dẫn các con tu tập và phát triển các phẩm hạnh... thật ra, các con cũng vẫn đang có đầy đủ đạo sư bên ngoài và đạo sư bên trong.

Đạo sư bên ngoài... tuy không nhất thiết là một vị thầy bằng xương bằng thịt nhưng các con nên hiểu rằng ở khắp không gian này có vô lượng chư Phật và chư Bồ Tát đang ban phước lành cho các con và cho vô lượng chúng sinh. Có thể các con không thấy được bằng mắt phàm nhưng chư Phật và chư Bồ-Tát đang hiện diện khắp mọi nơi giúp các con trên con đường tu.

Còn đạo sư bên trong... đó chính là chánh niệm và tỉnh giác trong các con. Nếu không có được một đạo sư bằng xương bằng thịt bên ngoài thì người thầy tốt nhất là kinh sách, luận giải về Phật Pháp mà các con có thể tự đọc, tự tra cứu, tự tìm hiểu và quán chiếu, để có thể giúp các con thực hành và phát triển chánh niệm và tỉnh giác bên trong. Chẳng hạn như tập sách '*Ba Mươi Bảy Pháp Hành Bồ Tát Đạo*' [của ngài Ngulchu Thogme Zangpo], tập sách đó chính là một người thầy tài giỏi nhất mà các con có thể nương tựa vào.

Nếu hằng ngày các con đọc tập sách này rồi suy niệm và quán chiếu để hiểu được giáo pháp huyền diệu, đâu là đúng, đâu là sai, tìm hiểu cách thức làm thế nào để giữ được chánh niệm và tỉnh giác trong mọi tình huống... Nếu các con làm được như vậy trong một tinh thần hết sức cẩn trọng thì cho dù không có được đạo sư bằng xương bằng thịt bên cạnh thì các con cũng vẫn có thể tu tập, chẳng những theo Kim-Cang Thừa, mà là bất kỳ Pháp nào cũng vậy.

Lại thêm một thí dụ nữa. Nói đến quy y thì có quy y bên ngoài và quy y bên trong. Quy y bên

ngoài là quy y Tam Bảo, nghĩa là quy y Phật, Pháp và Tăng.

Còn quy y bên trong ?

Chánh niệm và tỉnh giác chính là Phật. Hãy quy y vào chánh niệm và tỉnh giác bên trong các con.

Bất kỳ trong giây phút nào nếu các con cũng miên mật thực tập chánh niệm và tỉnh giác thì đó chính là Pháp. Hãy quy y vào những thực hành chánh niệm và tỉnh giác bên trong các con.

Khi miên mật thực hành chánh niệm và tỉnh giác, các con sẽ trở nên những con người tốt hơn, lành hơn, gần với Phật tánh hơn thì đó chính là Tăng. Hãy quy y vào tăng đoàn của những con người tốt lành bên trong các con.

Nếu hiểu được như thế thì các con sẽ thấy là tất cả Tam Bảo đều nằm trong chính chánh niệm và tỉnh giác trong mỗi chúng ta! Đó là cách hiểu sâu sắc nhất để có thể giúp các con thực hành Kim-Cang Thừa hay Mật-Pháp.



Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, không khác chi chư Phật có Phật tánh. Tâm của Phật và tâm của chúng sinh không xa lìa nhau mà mang tánh đồng nhất. Nhưng tâm của chúng sinh giống như thể những tảng nước đá đặc cứng. Trong khi tâm của Phật thì như thể giòng nước tuôn chảy không gì ngăn trở. Chính vì chúng sinh chấp ngã mà sinh ra vọng tưởng. Vọng tưởng chính là khí trời giá rét biến giòng nước trong tâm chúng sinh trở thành những khối nước đông đặc!

Muốn giúp cho những khối nước đá này tan chảy ra thành giòng nước mềm mại thì chúng sinh cần phải phát khởi và nuôi dưỡng Bồ-Đề tâm! Bồ-Đề tâm (tương đối và viên mãn) chính là sức nóng có khả năng làm tan chảy khối nước đá trong tâm chúng sinh. Khi đá tan ra thành nước, đó là khi chúng sinh đạt được Phật quả!

Muốn phát khởi, đào luyện và nuôi dưỡng Bồ-Đề tâm thì trước hết phải hành trì sáu pháp Ba-la-mật [bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định và tuệ], và đối với các con là những hành giả muốn tu tập theo Kim-Cang Thừa thì phải miên mật hành trì các pháp quán tưởng Bốn-Tôn Hộ-

Phật, chú trọng vào các phẩm tính giác ngộ của các vị Hộ-Phật để giúp các con đến gần hơn với phẩm tính giác ngộ trong chính mình. Trong bốn câu nguyện Phát Bồ-Đề tâm sau đây...

*Bồ-Đề tâm vương, tâm tối thượng, tâm vô cùng cao quý,  
Nơi tâm ấy chưa sinh, xin cho tâm ấy nảy sinh,  
Nơi tâm ấy đã sinh, xin cho tâm ấy đừng bao giờ thoái chuyển  
Mà vĩnh viễn mỗi ngày một vươn lên, vươn lên cao hơn. (\*)*

*Nơi tâm ấy chưa sinh, xin cho tâm ấy nảy sinh... là nương vào Bốn Tư Tưởng Chuyển Tâm mà phát khởi tâm Bồ-Đề.*

*Nơi tâm ấy đã sinh, xin cho tâm ấy đừng bao giờ thoái chuyển... là nương vào sáu pháp Ba-la-mật mà hành trì miên mật.*

*Mà vĩnh viễn mỗi ngày một vươn lên, vươn lên cao hơn... là nương vào các giai đoạn phát khởi và viên thành của các pháp môn hành trì và quán tưởng Bốn-Tôn Hộ-Phật của Mật-điền để giúp*

cho các con hợp nhất với tâm giác ngộ của chư vị giác ngộ.

---

*Thầy Khenpo Tsultrim Tenzin giúp thông dịch từ Tạng-ngữ qua Anh-ngữ những lời khai thị của Garchen Rinpoche (Drikung Kagyu) dành cho các đạo hữu trong nhóm tu học Orgyen Choling tại Việt-Nam.*

*Tâm Bảo Đàn ghi chép và thông dịch từ Anh ngữ qua Việt ngữ. Tài liệu Việt dịch trên đây được hiệu đính dựa trên những ghi chép của Tâm Bảo Đàn.*

*<http://www.vietnalanda.org>*

*(\*) Bốn câu nguyện Phát Bồ-Đề Tâm do Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển Việt-ngữ.*

**Thầy Và Đệ Tử**  
*(Bốn Sư và Guru Yoga)*

*Garchen Rinpoche*

---

*Câu hỏi:*

*Con đã thọ pháp với nhiều vị đạo sư, vậy làm thế nào để biết được ai là bốn sư của con?*

*Trả Lời:*

Tâm chí thành chí tín hướng đến bốn sư (Guru) thật mạnh mẽ, không gợn chút hoài nghi, và tình yêu từ sâu thẳm con tim đối với ngài - đây chính là yếu tố quan trọng nhất để nhận biết ai là Guru của con. Không nhất thiết chỉ được có một bốn sư mà có thể có nhiều bốn sư. Vị ấy cũng không nhất thiết phải là một người còn sống mà có thể là một vị Hộ Phật hay một vị Phật, ví dụ như đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay

đức Guru Rinpoche. Nếu ta có cảm nhận mãnh liệt về các ngài thì các ngài cũng là bốn sư của mình được. Không quan trọng bốn sư là ai, cũng không quan trọng là có bao nhiêu bốn sư mà quan trọng là tâm của mình có thật sự mãnh liệt, tận tụy dâng hiến, hướng tới các ngài hay không. Ta có thể có nhiều bốn sư và phải hiểu điều quan trọng là tâm của các ngài đều như nhau, hoàn toàn hợp nhất. Đó chính là tâm giác ngộ.

Ở đây có hai khái niệm là bốn sư bên ngoài và bốn sư bên trong. Cần phải biết bốn sư đích thực là ai. Bốn sư đích thực chính là tâm của mình chứ không phải bốn sư bên ngoài.

Bồ Đề tâm chính là vị thầy bên trong của con. Nhận ra bản tính chân tâm của mình là trở về với vị bốn sư bên trong ta.

Con có bao nhiêu bốn sư cũng được vì các ngài đều như nhau. Điều quan trọng là con đừng để bị dính mắc vào hình tướng bên ngoài của bốn sư như mặt mũi, áo quần, mà phải hướng tới cái tâm [của ngài]. Mà tâm của tất cả các ngài đều là một.

Khi con có tâm chí thành, chí tín thì không quan trọng ai là Guru của con. Khi tâm của ta hòa được vào tâm của một bổn sư cũng có nghĩa là hòa được vào tâm của tất cả các vị bổn sư khác. Khi tâm ta gần với các vị bổn sư, điều đó có nghĩa là ta đang quay về với vị bổn sư của chính bản thân mình. Bổn sư bên ngoài chỉ là minh họa của *tâm giác ngộ* bên trong của chúng ta mà thôi.

---

*Câu hỏi:*

*Chúng con là cư sĩ và không phải lúc nào chúng con cũng có bậc đạo sư bên cạnh, vậy Ngài khuyên chúng con nên tu tập như thế nào?*

*Trả Lời:*

Sự hiện diện về tinh thần quan trọng hơn sự hiện diện về thân xác. Giữa tâm và tâm không có khoảng cách [vật lý]. Nếu con hướng tới Guru của con với tâm chánh niệm thì tâm tỉnh giác và chánh niệm của con cũng giống như tâm chánh niệm và tỉnh giác của thầy con, không có gì sai biệt. Ta [cũng như các bậc thầy khác] không bao giờ quên nghĩ tới các đệ tử của mình

và bao giờ cũng thương yêu đệ tử. Bất cứ khi nào con nghĩ tới thầy con thì tâm con và tâm ngài là một. Khi nào con nghĩ tới thầy con và khẩn nguyện thì nhờ chánh niệm mà mọi nghi ngờ, thắc mắc tự nhiên tan biến. Bởi vì tâm không biết đến khoảng cách. Thân xác có thể xa nhưng tâm không vì thế mà xa. Khoảng cách vật lý không có nghĩa lý gì đối với tâm. Vì tâm thức không bị chia cắt bởi không gian vật lý.

Chẳng hạn như con là đệ tử của thầy và con hành trì ở Việt Nam, thầy thì công phu bên Mỹ. Nếu con tu và ta cũng tu thì tuy thân xác chúng ta xa nhau nhưng tâm lại là một, rất gần nhau. Gần nhau giống như hòa làm một. Cũng như trên trái đất này có rất nhiều nguồn nước khác nhau nhưng đều có chung một tên gọi là “nước.”

Mỗi khi con nghĩ về Guru của mình với tâm chí thành, chí tín thì tâm con sẽ hợp nhất với tâm của đạo sư. Tâm của chúng ta giống như tấm gương soi phản ánh tất cả những gì ta suy nghĩ trong đầu. Nếu tâm của ta nghĩ đến Guru [một cách trong sáng, không ô nhiễm] thì tự khắc ta sẽ nối tâm được với ngài.

Khi không có cơ duyên được gặp gỡ thường xuyên với vị Guru của mình thì chúng ta có thể gặp gỡ các vị đạo sư khác và cũng sẽ có được lợi lạc từ các vị ấy vì thật ra tâm của các ngài đều như nhau.

---

*Câu hỏi:*

*Xin Thầy giải thích về ý nghĩa của việc hành trì Guru Yoga (Bốn Sư Du Già)?*

*Trả Lời:*

Pháp thực hành thứ tư [trong pháp tu dự bị Ngondro] là thực hành Bốn Sư Du Già (Guru Yoga). Điểm cốt yếu của Bốn Sư Du Già là để trực nhận được bản tánh của tâm ta là bất khả phân với tâm của Đạo sư.

Trong truyền thống Hiền giáo, để đạt đến giác ngộ, ta phải tích lũy công đức trong ba a tăng tỳ kiếp. Tuy nhiên, theo truyền thống tu tập của Kim Cang Thừa, là dòng tâm truyền của năng lực Gia trì, thì ta sẽ nhận được sự gia trì của Đạo sư và có thể đạt được giác ngộ chỉ trong một



đòi. Đó là sự trao truyền [trực tiếp] từ tâm Đạo sư tới tâm thức của đệ tử.

Khi thực hành, ta thiền định để nhận ra chân tánh của tâm. Khi đó, với lòng sùng mộ sâu sắc, ta sẽ nhận thấy rằng tâm mình có cùng bản chất với tâm của Đạo sư.

Cốt tủy của việc làm thế nào có thể giữ được sự kết nối của ta với thầy chính là tình yêu thương dành cho tất cả chúng sinh. Đó là hạnh nguyện của thầy, và cũng là hạnh nguyện của ta – phát Bồ Đề Tâm vì lợi ích của tất cả hữu tình. Chúng ta không bao giờ được khởi lên tâm sân hận hay thù hận với ai, dù chỉ với một chúng sinh duy nhất thì cũng không thể được. Và nếu tâm ta hướng về tình yêu thương, thì tâm ta sẽ hợp nhất với tâm Đạo sư và ta sẽ dễ dàng nhận được bản tánh của tâm thầy.

Bằng cách nào mà ta nhận được sự gia trì của Đạo sư ? Sự gia trì của Đạo sư chính thật là tình yêu thương được truyền tới dòng tâm thức của ta. Và nhờ đó mà ta nhận ra chân tâm bản tánh của mình. Sự nối kết được thiết lập thông qua tình yêu thương của Đạo sư dành cho ta và qua

tâm chí thành, chí tín của ta đối với Đạo sư. Nhờ vào sự gắn kết này mà ta nhận ra được tâm mình hợp nhất với tâm Thầy.

Vị Đạo sư bên ngoài chỉ là Đạo sư về hình tướng; thân Đạo sư chỉ là yếu tố phụ. Các con cần nhận ra được vị Đạo sư bên trong. Điều đó có nghĩa là trực nhận được tâm Đạo sư và điều này quan trọng hơn. Chúng ta phải hợp nhất được tâm mình với tâm Đạo sư, đó chính là tâm điểm của thực hành Đạo sư Du Già. Chúng ta sẽ nhận được sự giác ngộ như Thầy, nhận được sự gia trì của Thầy. Và nếu thiên định về bản tánh chân tâm theo cách này, ta sẽ hợp nhất bất khả phân với Thầy.

---

*Ina Bieler thông dịch từ Tạng-ngữ qua Anh-ngữ những lời khai thị của Garchen Rinpoche (Drikung Kagyu) trong một buổi pháp đàm tại Việt Nam vào tháng 5, 2010. Tâm Bảo Đàn thông dịch Việt ngữ. Tài liệu Việt dịch trên đây được Hiếu Thiện nhuận văn và hiệu đính.*

**Làm Thế Nào Để Tìm Ra Một  
Đạo Sư Và Trở Thành Một Đệ Tử**

*Dzongsar Khyentse Rinpoche*

---

Bây giờ hãy chia sẻ về tri kiến thanh tịnh (*pure perception*) và về Phật Giáo Kim Cang Thừa. Đầu tiên, tôi muốn nói với các bạn rằng chúng ta *không* nên hiểu về tri kiến thanh tịnh như đây là luật xử thế. Điều này rất ư quan trọng. Tri kiến thanh tịnh *không* phải là một nguyên tắc xử thế gì cả. Thật đáng tiếc bởi vì khi Kim Cang Thừa được giảng dạy, đôi khi người ta nói rằng các hành giả [tu tập theo Kim Cang Thừa] bắt buộc phải có một tri kiến thuần khiết đối với đấng đạo sư kim cang. Nghe như thế thì giống như đây chính là một thứ đạo đức Kim Cang Thừa.

Nhưng các bạn hãy nên cố gắng tiếp cận tri kiến thanh tịnh theo một phương cách khác [khác hơn là cách suy nghĩ như trên]. Tri kiến thanh tịnh phải được vận dụng như là một pháp môn tu tập, có nghĩa là các bạn cần phải tập làm quen, nhuần nhuyễn với tri kiến ấy. Có những lúc, trong cương vị của một người mới tu, các bạn sẽ đánh mất tri kiến thanh tịnh. Các bạn cần phải nhớ rằng, không thể nào ngồi đó mang kỳ vọng là các bạn sẽ có được tri kiến thanh tịnh một cách trọn vẹn hoàn hảo ngay từ đầu. Điều này không hiện hữu đâu. Nếu các bạn ôm lấy một sự mong đợi như thế thì điều ấy sẽ làm cho bạn cảm thấy tội lỗi. Tri kiến thanh tịnh đã là nguyên nhân đưa đến rất nhiều cảm giác tội lỗi. Hãy hiểu về tri kiến thanh tịnh như là một điều gì đó mà các bạn có ý nguyện muốn hướng đến; các bạn cần phải huân tập tri kiến thanh tịnh.

Tri kiến thanh tịnh sẽ xảy đến khi bạn khao khát thềm thường tánh không. Khi bạn, trong cương vị của một chiếc bình chứa, chấp nhận được khái niệm về tánh không, thì tri kiến thanh tịnh [sẽ sinh khởi] một cách dễ dàng hơn. Hiểu về tánh không có nghĩa là, trên căn bản, bạn phải

biết rằng bất cứ điều gì mà bạn nhìn thấy, hoặc trải nghiệm, thật ra chỉ là một sự phóng tưởng của chính bạn; và trên thực tế, điều mà bạn nhìn thấy hoặc trải qua không thực sự hiện hữu như cách phóng tưởng của bạn đâu. Khi bạn có thể chấp nhận được như vậy, không phải chỉ trên phương diện lý trí mà cả trên phương diện thực tiễn, thì bạn đang đến gần hơn với cái hiểu về tánh không. Mỗi một khi bạn đưa ra một xét đoán nào đó, hãy cố gắng bằng mọi cách tự nói với bản thân mình, *“Đây chỉ là một sự phóng tưởng của tôi; đây chỉ là tư tưởng giới hạn [nhỏ hẹp] của tôi.”* Nếu bạn có thể làm được như vậy, bắt đầu ở ngay mức độ thấp bé nhất, chẳng hạn như [xét đoán] về tách trà ngon hay tách trà dở, trở lên cho đến việc xét đoán về hiện tượng của một vị đạo sư kim cương, thì qua đó bạn cũng có thể dần dà làm quen được với tri kiến thanh tịnh.

Chúng ta đang không nói đến việc chúng ta phải nghĩ về vị đạo sư kim cương như là một vị Phật. Chúng ta đang không nói về vị ấy như là một vị đạo sư màu hoàng kim, có thêm nhiều tay, nhiều chân và một con mắt thứ ba. Chúng ta không cần phải tự bày ra để tin là như thế; chúng ta không cần phải tạo ra một hiện tượng

mới mẻ và cho rằng đó là tri kiến thanh tịnh. Làm như vậy là sai rồi. Tri kiến thanh tịnh chính là khi bạn biết được rằng bất cứ điều gì mà bạn suy nghĩ, đặc biệt những gì bạn nghĩ về đạo sư của bạn, là sự phóng tưởng của chính bạn thôi. Những việc như kết tội, quy lỗi hay trách móc sẽ từ từ giảm thiểu. Khi việc kết tội, quy lỗi và trách móc ngưng bật, thì tri kiến của bạn sẽ trở nên thuần khiết hơn.

Trong Phật Giáo Kim Cang Thừa, đấng đạo sư không chỉ là một con người mà còn chính là con đường tu. Mục đích ở đây là nhận chân ra được rằng đạo sư tối thượng là tuệ giác của chính chúng ta. Và bằng cách nào chúng ta vén mở được đạo sư tuệ giác bên trong ấy? Bằng cách xé bỏ lớp kén của cái tôi, xé bỏ lớp kén của sự chấp ngã. Sau rất nhiều công phu phân tích và quán chiếu, [bạn sẽ thấy ra rằng] đạo sư bên ngoài chính là người mà bạn thuê mượn để làm công việc phá vỡ đi cái tôi của mình. Đây là mục tiêu chính yếu của bạn. Cách thức mà bạn liên hệ với đạo sư của bạn, xuyên qua những tác động giữa ngài với bạn, cần phải được đặt nền tảng trên mức độ mà ngài có thể xé bỏ được lớp kén nhiều hay ít bao nhiêu. Xin các bạn hãy ghi nhớ

rằng ý thích của đạo sư của bạn bắt buộc cũng phải là ý nguyện muốn phá vỡ màn vô minh của đệ tử. Dựa trên mục tiêu ấy, đạo sư có thể sẽ bảo bạn phải thi hành đủ thứ đủ mọi loại việc thật đáng kinh ngạc. Kinh ngạc cho cái gì? Kinh ngạc cho cái bản ngã và không thể nào chấp nhận được đối với cái bản ngã ấy! [Nhưng] các bạn cần phải làm tất cả những việc ấy như đây chính là phương cách chữa trị tốt lành nhất.

Thêm vào đó, lẽ dĩ nhiên, các bạn vẫn cần phải đối xử với đấng đạo sư theo đúng lễ nghi, với lòng tôn kính và sự khiêm cung. Những thứ như nghi lễ, sự kính trọng, đức khiêm cung giống như là những món châu bảo trang nghiêm. Không có những thứ ấy thì việc lễ lạy hay các việc làm tương tự cũng chẳng khác nào một lớp vỏ kén khác mà thôi, càng ngày lớp vỏ kén ấy càng dày ra, dày hơn nữa, dày đến nỗi mà bạn sẽ phải cần một [phương cách] khác để có thể đập vỡ. Nói chung, tất cả đều phải quay ngược lại về với động cơ muốn thành tựu giác ngộ. Tất cả mọi thứ đều phải đặt nền tảng trên động cơ ấy.

Có rất nhiều sự hiểu lầm về mối liên hệ đạo sư-đệ tử. Nói một cách cụ thể, khi một vị đạo sư Kim Cang Thừa ra lệnh cho đệ tử làm theo bất cứ điều gì mà đạo sư đã yêu cầu, thì đây không phải là trường hợp tiêu biểu của một sự thờ thần hay biểu hiện sự độc tài. Đây chính là một sự thoả thuận đôi bên. Là người học trò, bạn muốn vén mở tuệ giác, và thầy của bạn cũng thế, ngài cũng muốn làm như thế. Đó là sự thoả thuận giữa bạn và thầy của bạn, và dựa trên sự thoả thuận ấy, bạn và thầy của bạn chung sức làm việc với nhau. Nếu bạn không có được một sự thoả thuận như thế thì thật là khó khăn biết chừng nào.

Các cụm từ “đạo sư kim cang” hay “đạo sư gốc” là ngôn ngữ đặc thù của Kim Cang Thừa. Dĩ nhiên, Đại Thừa cũng có khái niệm về đạo sư, sư phụ hay vị thầy chỉ đạo nhưng vị đạo sư của Đại Thừa chủ yếu là một người dẫn đường, một người trợ giáo hay là một huấn luyện viên. Trong khi đó thì trong Kim Cang Thừa, vị thầy tuy biểu hiện giống như một huấn luyện viên, nhưng còn hơn thế nữa, vị ấy cũng chính là con đường tu. Ngay cả trong các pháp môn hành trì [của Kim Cang Thừa], điều này cũng thể hiện rõ



rệt. Trong truyền thống tu tập của Đại Thừa, chẳng hề bao giờ có một phương tiện tu tập nào [dạy cho] chính bản thân ta tan hòa vào trái tim của sư phụ ta, hoặc là sư phụ của ta tan hòa vào chính bên trong ta.

Tuy thế, trong tất cả các thừa, đặc biệt là Đại Thừa và Kim Cang Thừa, vị đạo sư chủ đạo chính là khía cạnh giác tuệ của tâm ta – về điều này thì các bạn đừng bao giờ lầm lẫn! Trong Đại Thừa, tâm luôn luôn là điều được nhấn mạnh hơn cả, nhưng trong Kim Cang Thừa, [chẳng những tâm là điều được nhấn mạnh mà] đường kinh mạch (*nadi*), khí (*prana*) và thức (*bindu*) cũng đều được nhắc đến. Nếu dịch một cách lỏng lẻo thì những danh từ này có nghĩa là các đường “kinh mạch” (*channels*), “khí” (*wind*) và “thức” (*consciousness*). Chính những đường kinh mạch, chính khí luân lưu trong các đường kinh mạch ấy, và tâm ta – cái tâm [có khả năng] gây bao ảnh hưởng cho các đường kinh mạch và cho khí – cả ba thứ ấy, không tách rời nhau.

Hãy nghĩ như thế này: đường kinh mạch (*nadi*) giống như là một ống sáo. Khí (*prana*) giống như là gió thổi luôn qua ống sáo, và rồi kể đến là

người thổi sáo - tức là thức (*bindu*). Ngay trong thời điểm này thì ống sáo đang bị hoen rỉ và bên trong có nhiều nấm mốc (*fungus*) mọc lên. Có những cái lỗ sáo bị bít lại bởi vì có quá nhiều những tảng bánh mì kẹp thịt (*hamburgers*), có quá nhiều những cảm xúc tiêu cực hoặc là có quá nhiều những đêm thức khuya! Tất cả những loại chướng ngại như thế ấy đã bít kín toàn bộ cấu trúc thân thể chúng ta.

Cho nên trên phương diện bên ngoài thì chúng ta cố gắng thay đổi qua các pháp tập du già (*yoga*). Tinh túy của các pháp tu du già là ngồi thẳng và giữ một tư thế tuyệt đẹp. Bằng cách ấy, ta có thể thao tác [chỉnh sửa] ống sáo. Rồi sau đó thì chúng ta cố gắng điều khí; tuy nhiên, khí của ta [hiện nay] rất là bất tịnh. Những phóng tướng của chúng ta thật ra rất là giới hạn - xấu, tốt, cao, thấp - đó là bởi vì những cái lỗ sáo đang bị bít kín và có quá nhiều nấm mốc (*fungus*) mọc ở bên trong. Bởi thế cho nên, cái thứ khí đang luân chuyển bên trong ống sáo ấy thật vô cùng bất ổn. Bằng cách lau chùi ống sáo, những phóng tướng của chúng ta cũng sẽ bắt đầu từ từ thay đổi.

Hãy lấy ví dụ về sự phóng tướng của ta về đấng đạo sư, nhất là khi [đạo sư] được đi kèm với công đức. Theo Kim Cang Thừa, đạo sư của chúng ta đã hóa hiện trước mặt ta là nương vào công đức [mà ta đã tạo]. Nói một cách tổng quát, tâm tuệ giác [bên trong] của ta phản ánh ra vị đạo sư bên ngoài, và do đó, đây lại càng là lý do mà chúng ta cần phải tuân lệnh ngài. Thật ra thì ta đang tuân lệnh bản tánh chân thực của ta. Còn đạo sư, người thổi sáo, chẳng là ai khác ngoài tâm tuệ giác của chính ta.

Chúng ta nói *'tuân lệnh,'* nghĩa là như thế nào? Chúng ta không cần phải sợ hãi cái con ma cà rồng [mà chúng ta cho là] đang thực sự hiện hữu bên ngoài. Nói chung thì đó chính là sự phóng tướng của tâm ta, phóng tuốt ra ngoài kia, và [qua đó] mà người thông dịch đã chuyển dịch ra thành là "công đức." Nếu chẳng có công đức nằm ở đó, thì tâm ta sẽ chuyển dịch cái người ấy [vị đạo sư ấy] thành ra là một tên trời đánh hợm hĩnh, là cái người đang nói về đạo đức đúng đắn và là cái người mà ta chẳng muốn phải phí bỏ một cuồi tuần tươi đẹp.

Vậy thì “*khẩn nguyện đạo sư*” có nghĩa là như thế nào trong Kim Cang Thừa? Điều ấy thật sự có nghĩa là liên hệ được với bản tánh chân thực, với chân tánh [bên trong ta], chứ không là gì khác! Tuy thế, chúng ta thường luôn luôn hay quay về với một câu hỏi, [câu hỏi ấy là] “*Vị đạo sư bên ngoài có cần thiết hay không?*” Vậy thì hãy xem vị đạo sư như một tấm gương soi. Chúng ta dùng tấm gương soi khi tô son để có thể nhìn thấy sự phản chiếu của chính mình và để có thể làm công việc tô son lên đôi môi một cách tốt đẹp hơn. Cũng giống như thế, để có thể thực sự nhìn thấy tuệ giác nội tại – tuệ giác nội tại ấy không là gì khác hơn ngoài chân tánh của ta, thì chúng ta cần vận dụng vị đạo sư bên ngoài như một tấm gương soi. Đấy, việc đang xảy ra là như thế đấy!

Nói theo một cách nói chuyên môn, vị đạo sư kim cang là người ban cho ta các quán đánh Kim Cang Thừa, nhất là bốn quán đánh gồm có: tịnh bình, ẩn mật, tuệ và ngữ. Nếu một vị nào ban cho bạn các quán đánh ấy thì vị ấy là một đạo sư kim cang đối với bạn. Nhưng có những học giả sẽ bất đồng ý kiến về điểm này, và sẽ cho rằng vị đạo sư, sư phụ hay guru là người đã chỉ cho

bạn thấy đâu là chân tâm, và xuyên qua đó, giúp cho bạn thấu hiểu về bản tánh ấy. Ngày nay, có quá nhiều người làm công việc giới thiệu, trực chỉ cho người khác thấy chân tâm ở đâu, nhưng không phải sự giới thiệu hay trực chỉ chân tâm nào cũng đem đến thành công. Đôi khi sự giới thiệu hay trực chỉ ấy còn không cả đi vào được bên trong cái đầu nữa là.

Thật ra, một vị đạo sư kim cang có thể nói một số điều, hoặc là có thể chẳng nói gì cả, nhưng điều ngài nói [hay không nói] phải nhất thời làm cho toàn bộ hệ thống [vận chuyển bên trong bạn] phải ngừng bật. Ngay cả nếu chuyện ấy chỉ xảy ra trong một nửa khắc đồng hồ, toàn bộ hệ thống kiên cố bên trong bạn bỗng đứng khựng lại và bạn bỗng thắc mắc tự hỏi rằng, “Đâu là lợi lạc của ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai? Tại sao có ngày hôm qua? Tại sao lại có ngày mai? Ngày trong tuần là như thế nào? Cuối tuần là như thế nào?” Sự việc xảy ra ấy gần như là không thể diễn tả được. Tất cả mọi thứ đều ngừng bật, nhưng đây không phải là một kinh nghiệm như say rượu hay uống thuốc quá liều. Bạn hoàn toàn nhận biết về tất cả mọi thứ, hoàn toàn tỉnh giác về tất cả mọi thứ, sống động và

rung động, nhưng cái hệ thống bình thường cố hữu [trong bạn] hoàn toàn ngừng bật, hoàn toàn khựng đứng. Khi sự việc ấy xảy ra thì có lẽ, cho dù bạn có thích hay không thích, vị [đạo sư] ấy là kẻ đã ám sát bạn [là kẻ giết chết cái tôi và những bám chấp cố hữu bên trong bạn].

*Tác giả Dzongsar Khyentse Rinpoche (Nyingma), chào đời vào năm 1961 tại Bhutan, được xem là hóa thân đời thứ ba của ngài Jamyang Khyentse Wangpo Rinpoche, là vị trong ba vị đã khởi xướng phong trào bất bộ phái vào thế kỷ 19.*

*“Tạp chí Gentle Voice” xin cảm ơn Tom Pengelly và Claire Blaxell đã chia sẻ các bản ghi chép nguyên thủy của bài pháp thoại. Hiện bài này có trong dạng MP3 [được lưu trữ] tại Siddhartha’s Intent.*

*Tâm Bảo Đàn chuyển dịch bài pháp thoại của Dzongsar Khyentse Rinpoche để cúng dường đấng Đạo Sư Tôn Quý bên ngoài và bên trong, và để gửi tặng các huynh đệ tử muội Kim Cang trân quý.*

<http://www.siddharthasintent.org>

## Giòng Sông Chẳng Thế Đóng Băng

*Garchen Rinpoche*

---

Con thật may mắn đã đến được với Đạo Pháp bằng tâm chí thành. Tinh hoa của Đạo Pháp được gói trọn trong hai Bồ-Đề Tâm. Một là tâm Bồ-Đề tương đối, là tâm nguyện cao cả luôn để ý chăm lo đến sự an vui của kẻ khác. Hai là tâm Bồ-Đề viên mãn, là tánh Không -- là quán chiếu bản tâm của mình.

Nếu con cảm thấy rằng trực diện tâm mình là một điều vô cùng khó, đó chẳng qua là vì những chướng ngại do phiền não hay những xúc cảm ô nhiễm trong tâm con gây ra. Trí huệ siêu việt có thể phá tan hết những phiền não, ô nhiễm này. Trí huệ đó là nguồn năng lực gia trì đến từ một vị thầy. Nhưng muốn nhận được nguồn phúc lạc này từ thầy, thì con ơi, con cần phải có một bầu mặt trời sáng chói tâm thành tín. Bầu mặt

trời đó, rồi ra, sẽ giúp cho hoa từ bi nở rộ trong con. Chỉ cần một giọt nước mắt rỏ xuống từ tâm chí thành mãnh liệt thì cả ngọn núi chướng ngại kia cũng sẽ được rửa sạch và sẽ sụp đổ tan tành.

Nói chung, Phật và chúng sinh đều như một giòng sông cùng chảy. Nhưng khác với chúng sinh, một vị Phật nhận rõ ra được chân ngã; trong lòng không chút hoài nghi, vị ấy nhìn thấy ra rằng mọi diễn biến trong cõi ta-bà chỉ là một giấc mơ hay ảo ảnh. Tâm của Phật an định chẳng khác gì tự tánh của không gian -- giống như một giòng sông chẳng thể đóng băng! Ngược lại, chúng sinh chưa trực nhận được chân tánh, và tâm của chúng sinh luôn bị ngăn trở bởi những hạt giống gây ra phiền não. Điều này chẳng khác chi một giòng nước rất lạnh gặp phải tiết trời giá rét, nước liền đóng thành một khối băng đá chẳng thể nào đập vỡ được ra.

Nhưng nếu ngọn lửa chí thành và từ bi đốt cháy được khối tâm băng giá kia thì con sẽ nhận thức ra được rằng giữa con và một vị Phật hoàn toàn chẳng có gì khác. Bởi thế, con ơi, năng lực quan trọng bậc nhất đem đến nguồn năng lực gia trì không là gì khác hơn ngoài sự chí tâm chí thành.



Giống như cả trăm con sông cùng chảy xiết dưới một lòng cầu!

Khi con quán chiếu tâm mình với tất cả lòng thành mãnh liệt thì chính sự tỉnh giác đó sẽ là hạt nhân đưa con đến bờ giác ngộ. Trong kinh nghiệm tỉnh giác này, hãy quán chiếu thêm lần nữa khuôn mặt thật của tỉnh giác! Con sẽ thấy chính giác tánh của con cũng sẽ tan hoà vào tánh Không -- cả chủ thể lẫn đối tượng đều rã tan thành Không tánh. Kẻ sơ tu thường không mấy tin vào điều này, nhưng con ơi, sự rã tan ấy chính là Phật quả! Bởi thế, đại thành tựu gia Tilopa đã từng nói, *'Chẳng thấy cái gì cả, đó chính là kinh nghiệm nội tâm tột cùng!'* (*Seeing nothing is the supreme insight!*)

Kinh nghiệm này sẽ không kéo dài [cho kẻ sơ tu], nên con hãy thực hành thiền quán trong những khoảng thời gian ngắn, và hãy miên mật thiền tập như thế nhiều lần, mỗi lần chỉ cần trong một khoảng thời gian ngắn mà thôi. Cách thức này sẽ giúp con phá vỡ được các chướng ngại và giúp công phu thiền định của con thêm vững chãi.

Tâm chí thành là điều tốt yếu duy nhất mà con cần có. Khi tu tập để phát triển tấm lòng thành mãnh liệt ấy, hãy quán tưởng vị thầy của con đang hiện diện trong không gian ngay trước mặt; hãy quán tưởng rằng thầy con đang thực sự hiện hữu ở đó trước mặt con. Tâm của thầy chính là Phật (*the lama's mind is Buddha*), nên khi con khẩn nguyện, nguồn năng lực gia trì tất nhiên sẽ đến, và thầy sẽ giữ con trong tâm của thầy.

---

*Đại Sư Garchen Rinpoche (Drikung Kagyu) đã viết bài pháp này cho James Pittard, một trong hai người đệ tử Hoa-Kỳ đầu tiên đặt chân đến chùa làng Gar, vào tháng 8, 1995 tại Nangchen, Tây-Tạng, và sau đó, bài pháp đã được đại sư Khenchen Konchog Gyaltzen Rinpoche chuyển từ Tạng-ngữ sang Anh-ngữ vào tháng 9, 1995 tại tu viện Changchub Ling, Dedhra Dun, Ấn-Độ dưới tên 'A River That Cannot Be Frozen.'*

*Tâm-Bảo-Đàn chuyển Việt-ngữ để cúng dường bốn sư Garchen Rinpoche tôn quý, hiện thân của lòng từ bi vô lượng của đức Quan-Âm.*

<http://www.garchen.net>

## Chín Hạnh Tôn Kính Đạo Sư

*Shabkar Tsokdrug Rangdrol*

---

Nguyện bốn sư từ hòa/ nhiệm màu hơn khắp cả/  
luôn hộ niệm cho con/ suốt mọi kiếp tương lai/  
biết hết lòng tận tụy/ với bậc thầy xứng đáng.

Đức bốn sư chính là/ căn bản mọi thiện đức/  
gốc rễ mọi an lạc/ cùng mọi sự tốt lành.

Nay hiểu được như vậy,/ con xin trọn tấm lòng/  
tôn kính đức bốn sư/ dù phải bỏ tánh mạng/  
cũng không lìa xa thầy.

Gặp được đấng đạo sư/ đầy đủ mọi tánh đức/ là  
điều rất hệ trọng.

Nay hiểu được như vậy/ con xin nguyện quay  
về/ qui thuận đấng đạo sư.

Nguyện làm đứa con ngoan/ theo đúng lời thầy  
dạy.

Dù ma vương, ác hữu/ phân lìa con và thầy/ con  
vẫn như kim cương,/ kiên định không dời đổi.

Khi thầy giao công việc/ dù nặng nhọc đến đâu/  
con nguyện như mặt đất/ kiên trì gánh tất cả.

Khi con phụng sự thầy,/ dù nhọc nhằn ra sao,/  
nguyện như núi đứng yên/ (không buồn lo,  
thoái chí).

Dù phải làm những việc/ thật vất vả khó khăn,/  
con nguyện giống như người/ phục thị đấng  
quốc vương,/ nguyện tâm không chao động.

Nguyện xả bỏ kiêu ngạo,/ giữ mình thấp hơn  
thầy,/ nguyện như người quét rác.

Nguyện con như sợi dây/ xuyên suốt việc thầy  
làm,/ dù khó khăn vất vả/ vẫn không chút từ  
nan.

Dù thầy có nặng lời/ rầy la hay quên con,/ con  
vẫn như chó ngoan/ không bao giờ sửa cần.

Nguyện con như chiếc phà,/ vì thầy mà qua lại/  
không một thoáng ngại ngần.

Đức bốn sư tôn kính,/ xin hộ niệm cho con/ có  
đầy đủ khả năng/ làm đúng theo như vậy.

Từ nay cho đến hết/ mọi đời kiếp về sau/ xin tận  
tụy với thầy.

---

*Miệng tụng thành tiếng, tâm nghĩ đến ý nghĩa lời  
tụng, làm như vậy sẽ gom đủ phước duyên để đời đời  
có thể nương dựa đúng cách nơi đấng đạo sư tôn kính.  
Nếu phụng sự, tôn kính, cúng dường đấng đạo sư  
đúng theo chín sự nói trên, dù không cố ý, cũng sẽ phát  
triển được nhiều đức tính, gom được nhiều tu lương  
phước đức, mau chóng thành tựu giác ngộ viên mãn.*

*Chữ trong ngoặc đơn không cần đọc, chỉ thêm vào cho  
rõ nghĩa, nên nhớ lấy ý nghĩa trong đâu nhưng không  
đọc thành tiếng.*

*Nguyên tác của Shabkar Tsokdrug Rangdrol.  
Bản Anh ngữ của Lama Zopa Rinpoche.  
Hồng Như chuyển Việt ngữ.*

*<http://www.nalanda.batnha.org>*

**Gọi Thầy Từ Chốn Xa (Bản Ngắn)**

*Zarongfu Sangye Ngawang Tenzin Rinpoche*

---

Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con

Thầy xua tan bóng tối vô minh;  
Thầy khai mở con đường giải thoát;  
Thầy cứu giúp chúng sinh thoát biển luân hồi;  
Thầy diệt tan họa năm chất độc;  
Thầy là ngọc vương như ý;  
Đấng đạo sư uy nghi tôn quý,  
con khẩn xin thầy.  
Xin thầy hộ niệm gia trì,  
Cho con nhớ cái chết,  
cho con nhớ vô thường;  
Xin thầy hộ niệm gia trì,  
Cho con thiếu dục tri túc;  
Xin thầy hộ niệm gia trì,

Cho con trú ở định tâm;  
Xin thầy hộ niệm gia trì,  
Cho con lìa mọi chướng ngại;  
Xin thầy hộ niệm gia trì,  
Cho con chuyển cảnh ngộ khó khăn  
thành phương tiện tu hành;  
Xin thầy hộ niệm gia trì  
Cho con, không chút dụng công,  
thành tựu việc tự lợi, lợi tha.  
Con khẩn xin thầy, đấng đạo sư tôn kính,  
Xin hãy giúp con nhanh nhanh,  
Ngay trên chỗ ngồi này,  
Ngay trong buổi thiền này.

*[Sau bài tụng này, thích bài thỉnh nguyện đạo sư nào  
thì chọn đọc bài ấy]*

Nguyện con không hoài nghi  
Dù chỉ trong thoáng chốc  
Việc làm thật bao la  
Của bốn sư từ phụ.  
Nguyện con luôn thấy được  
Tất cả việc thầy làm  
Đều nhiệm màu trong sáng.

Nguyện năng lực gia trì  
Của thầy luôn chan chứa  
Trong tận đáy tim con.

*[Đọc tiếp phần sau đây, quán tưởng Thầy  
tan hòa vào trái tim mình]*

Thỉnh bốn sư tôn quý  
Về trụ tòa sen nguyệt,  
Ngay giữa trái tim con.  
Xin dẫn dắt con đi  
Bằng tình thương rộng lớn.  
Xin cho con thành tựu  
Thân ngữ ý thanh tịnh  
Nhiệm mầu của đạo sư.

---

*Nguyên tác của Zarongfu Sangye Ngawang Tenzin  
Rinpoche (Gelug).*

*Bản Anh ngữ của Lama Zopa Rinpoche.  
Hông Như chuyển Việt ngữ.*

*<http://www.nalanda.batnha.org>*



**Gọi Thầy Từ Chốn Xa (Bản Dài)**

*Tiếng Khóc Ai Oán, Chóng Vánh Mang Lại  
Năng Lực Gia Trì Của Bốn Sư Từ Phụ,  
Kết Tinh Của Tam Thân Phật Bất Khả Phân*

*Zarongfu Sangye Ngawang Tenzin Rinpoche*

---

Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.

Thầy là trí giác đại lạc của mười phương Phật,  
đồng vị Pháp thân,  
Là chân tánh của tất cả các đấng đạo sư từ hòa.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là Pháp  
thân Phật,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con

lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Thầy là tướng hiện huyễn ảo của trí giác,  
Là bậc tối thắng với bảy đại nguyện vương,  
Là chân tướng của tất cả các đấng đạo sư từ hòa.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là Thọ  
Dụng Thân,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Thầy là vô vàn biến hóa thân thị hiện, tùy căn cơ  
của người cần giáo hóa,  
Là diệu dụng Thọ Dụng Thân của các đấng đạo  
sư từ hòa.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là Biến  
Hóa Thân,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Thầy là Ba thân Phật không thể phân, hoạt hiện

tướng đạo sư,  
Là một với cốt tủy tinh túy của tất cả các đấng  
đạo sư từ hòa.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là Tam  
thân bất khả phân  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung âm.

Vô lượng chư tôn Pháp Chủ Mạn đà la, tướng  
dạng oai nộ hay từ hòa, đều là chân tánh của  
thầy,  
Ngoài thầy ra, không có đấng Bốn tôn (Yidam)  
nào khác,  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là tổng  
hợp của mọi đấng Bốn tôn,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung âm.

Sắc tướng phổ thông của mười phương Phật đã  
hoạt hiện thành tướng đạo sư,  
Ngoài thầy ra không có Phật nào khác.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là tổng

hợp của mọi đấng Phật đà,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Thầy là chân tướng Bi Trí Dũng của Phật đà  
hoạt hiện;  
Là ba đấng Thế tôn thủ ngôi ba bộ Phật.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là tổng  
hợp của cả ba bộ Phật,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Một trăm bộ Phật, năm bộ Phật, ba bộ Phật,  
phân thành bao nhiêu bộ Phật, đều vẫn chỉ là  
thầy.  
Cả bậc đại đạo sư bao trùm mọi bộ Phật, cũng  
vẫn chính là thầy.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, bậc thầy  
của mọi bộ Phật,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con

TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Thầy tạo nên mười phương Phật Pháp Tăng.  
Thầy thu tóm toàn bộ Tam Bảo.  
Con khẩn xin thầy, đức bốn sư từ phụ, là tổng  
hợp của mọi nẻo qui y,  
Xin thầy hộ niệm giữ gìn cho con, đừng để con  
lìa xa thầy, trong đời này, trong mọi kiếp về sau,  
và trong cõi trung ấm.

Nhớ thầy là chân tướng chư Phật hoạt hiện,  
Luôn từ bi hộ niệm cho con.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ con là đứa con bất hạnh không ai ngó  
ngàng,  
Được thầy dắt tay vào đường tu không mê lầm.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ thân người đầy ý nghĩa, khó được mà dễ  
mất,  
Nguyện tận dụng khả năng kiếp người, biết

chọn lựa phân biệt giữa điều cần lấy cần bỏ,  
giữa hạnh phúc và khổ đau.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ nỗi bàng hoàng không biết phải làm gì khi  
cái chết bất ngờ ập đến,  
Chơi vui trong nỗi sợ hãi lớn lao,  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ nỗi hoang mang trong phút giây phải lìa xa  
mọi sự toàn hảo trong đời,  
Một mình dẫn thân vào cõi vô định.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ thân con trần trụi rơi vào biển lửa hãi hùng  
cõi địa ngục,  
Không làm sao đủ khả năng chịu đựng.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ nỗi đói khát bức bách triền miên, không cả  
giọt nước,  
Trong cõi quỷ đói.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

Nhớ nỗi khốn khổ khi vào cõi súc sinh đàn độn  
mê muội,  
Nếu chính bản thân phải chịu cảnh ấy thì sẽ ra  
sao.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ đâu là chốn che chở cho con khỏi rơi vào  
cảnh dữ,  
Vì bây giờ con đang sắp rơi vào ác đạo.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ thiện nghiệp ác nghiệp sẽ mang lại quả gì,  
Và nhớ phải hành trì các hạnh bồ tát, phải  
nghiêm trang giới hạnh như thế nào.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ phương pháp thoát vòng tù ngục của cuộc  
tái sinh triền miên bất tận,  
Gốc rễ của khổ đau luân hồi.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Nhớ cảnh khốn khổ của các bà mẹ nhiều đời  
đáng thương của con, đầy khắp không gian vô

tận,  
Roi vào biển rộng luân hồi chịu đủ sợ hãi khổ  
đau.  
Xin thầy giúp con luôn nghĩ tới thầy.

Vì vậy...  
Xin thầy hộ niệm cho con đủ khả năng thực  
chúng ba điểm tinh yếu của đường tu cùng hai  
giai đoạn.  
Xin hộ niệm cho con khởi tâm cầu giải thoát,  
nhất tâm tinh tấn hành trì Giới Định Tuệ, để đến  
với bình an niết bàn giải thoát.  
Xin hộ niệm cho con phát tâm Bồ Đề, phát đại  
nguyện gánh lấy trách nhiệm giải thoát toàn thể  
chúng sinh.  
Xin hộ niệm cho con bước theo biển rộng các  
đấng Thế Tôn, với ý chí kiên trì vượt tận muôn  
trùng sóng cả của hạnh nguyện Bồ Tát.  
Xin hộ niệm cho con chúng được chân tánh,  
thoát mọi cực đoan, nơi mà tánh không và  
duyên khởi, tướng hiện và tánh không, bổ sung  
lẫn nhau.  
Xin hộ niệm cho con mau chóng có được kinh  
nghiệm mang ba thân Phật vào đường tu, làm



thành thực nền tảng của sinh, tử, và cõi trung  
ấm.

Xin hộ niệm cho con hoạt hiện thân như huyễn  
nhiệm màu, là diệu dụng của Tứ Hỷ và Tứ  
Không, thu nhiếp khí và tâm về đường khí đạo  
chính giữa.

Xin hộ niệm cho con gặp được đấng đạo sư chân  
chính - là bản lai diện mục của chân tâm.

Sau khi mọi lớp màn của khái niệm (chấp có tự  
tánh) và nhận thức (tưởng thật có tự tánh) đều  
tan biến.

Xin hộ niệm cho con cùng Tam mật của thầy trở  
thành không hai, trong Pháp thân bao la của đại  
lạc, nơi toàn bộ hai loại chướng ngại [là phiền  
não chướng và trí chướng] đều được tiêu trừ.

Nói tóm lại,

Xin thầy an trụ ngay giữa trái tim con cho đến  
khi giác ngộ viên mãn.

Xin từ bi hộ niệm cho đứa con này được noi  
theo gót chân cha.

Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.  
Thầy ơi, nhớ nghĩ đến con.

---

*Nguyên tác của Zarongfu Sangye Ngawang Tenzin  
Rinpoche (Gelug).*

*Bản Anh ngữ của Lama Zopa Rinpoche.*

*Hồng Như chuyển Việt ngữ.*

*<http://www.nalanda.batnha.org>*

**Gọi Thầy Từ Chốn Ngàn Xa**  
*Lời Khẩn Nguyện Xuyên Thấu Tâm Can Với*  
*Lòng Quy Ngưỡng Chí Thành*

*Jamgon Kongtrul Rinpoche, Lodro Thaye*

---

Ôi, khổ thay!  
Chúng sinh như con với hành và nghiệp xấu,  
Đã từng nổi trôi trong vô lượng kiếp rồi.  
Trải qua bao thống khổ khôn nguôi,  
Nhưng chẳng một phút giây nào may mắn hoi  
hận.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để tâm nhằm chán sinh tử sẽ  
phát khởi tự đáy lòng này.

Với tự do và tiền của, con phung phí đời mình.

Chuyện thế tục vụn vặt, con luôn bận tâm đau  
đáu.  
Nhưng khi dẫn bước trên đường tu giải thoát thì  
lại để cho sự lười biếng khống chế.  
Từ hòn đảo đây châu báu này, con trở về với đôi  
bàn tay trắng.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để đời người hiếm quý này được  
trọn vẹn ý nghĩa.

Trên cõi đời này, chẳng ai có thể thoát khỏi tử  
thần,  
Thậm chí ngay trong phút giây này đây,  
Chúng sinh lần lượt theo nhau lìa đời.  
Rồi con cũng phải theo chân họ một ngày không  
xa.  
Thật rồ dại khi nghĩ mình sẽ muôn đời sống  
mãi.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con có thể xén bớt những lo  
toan thế tục,  
Thật chẳng còn thời gian để mà phung phí.

Con sẽ phải xa lìa những người thân yêu,  
Mọi của cải dành dụm được sẽ do người dung  
hưởng thụ.  
Ngay cả tấm thân mà con xem như báu vật này  
cũng sẽ bị bỏ lại.  
Và trong thân trung ấm, thần thức của con sẽ  
lang thang vô định khắp nẻo luân hồi.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con thấy được sự phù phiếm  
của vạn pháp.

Trước mặt con là nỗi sợ hãi tối đen mù mịt,  
Đuổi theo sau lưng con là cơn gió nghiệp lạnh  
lẻo vô cùng,  
Đám bộ hạ hung tợn của tử thần đang hành  
hung con,  
Và con sẽ phải chịu nỗi khổ đọa sinh vào cõi  
thấp.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con vượt thoát được vực thẳm  
của ác đạo.

Con che giấu tội lỗi của mình, vốn to nặng như  
núi lớn,  
Lại đi bói móc khuyết điểm của người, vốn bé  
xíu như hạt mè.  
Dù phẩm hạnh chẳng ra gì, con tạo cho mình  
dáng vẻ của người tốt.  
Tự cho rằng mình là người tu nhưng lại hành  
động trái ngược.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi  
Xin hãy gia hộ để con dẹp bỏ được tánh kiêu  
căng ích kỷ.

Con che giấu tập khí chấp ngã trong lòng,  
Tất cả mọi ý niệm chỉ làm gia tăng cảm xúc tiêu  
cực.  
Con gieo toàn những nghiệp bất thiện,  
Vì chưa mạnh bước trên đường tu giải thoát.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để tâm chấp ngã có thể được  
búng gốc.

Chỉ có chút khen chê mà đã tràn ngập niềm vui,  
nổi tử.

Chỉ mới chút lời nghịch tai mà đã không còn  
nhấn nhẹn nữa rồi.

Thấy người đau khổ mà lòng chẳng động,  
Khi có cơ hội bố thí thì lại bị ngăn trở bởi tập khí  
bỏn sẻn tham lam.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để tâm con thấm nhuần Giáo  
Pháp.

Dù là vô nghĩa, nhưng con lại xem nặng luân  
hồi sinh tử.

Vì miếng cơm, manh áo, con bỏ rơi các giá trị  
lâu dài.

Tuy đủ dùng, con vẫn ham muốn nhiều hơn  
nữa,

Và tự lừa gạt mình bởi các hiện tượng hão  
huyền, hư dối.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để con xa lánh các thú vui trần  
tục.

Chẳng chịu được chút đau khổ nhỏ nhoi của  
thân hay tâm,  
Nhưng không ngần ngại ôm trái tim mệt nhoài  
lao vào cõi thấp.  
Tuy đã trực nhận nhân quả vốn không bao giờ  
sai,  
Nhưng con cứ gieo ác nghiệp, thay vì trồng  
thiện nghiệp.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con thấu tốt được sự vận hành  
của nhân quả.

Con oán ghét kẻ thù và bám luyến bằng hữu,  
Mò mẫm trong vọng niệm, nào biết phải làm  
chi.  
Khi thực hành Pháp thì hôn trầm và buồn chán,  
Những lúc khác lại tỉnh táo, hứng khởi và vui  
tươi.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con phá tan được kẻ thù -  
những cảm xúc tiêu cực.



Bên ngoài, con tỏ ra là một hành giả chân chính,  
Nhưng bên trong, tâm và Giáo Pháp lại chẳng  
quyện hòa.

Như con răn độc, con che giấu những tâm cảm  
xấu ác,

Đến khi gặp khó khăn thì các khiếm khuyết tự  
hiện bày.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để con điều phục được tâm mình.

Chẳng thấy được khuyết điểm của mình,  
Con ra vẻ tín thành nhưng lại dễ dàng bị ô  
nhiễm.

Do bởi cảm xúc tiêu cực và ác nghiệp,  
Thiện niệm liên tục khởi lên để rồi liên tục biến  
mất.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để con nhận ra lỗi lầm của mình.

Một ngày trôi qua là một ngày cái chết đến gần  
hơn.

Một ngày trôi qua là một ngày tim con càng trở

nên chai đá.

Con vẫn theo chân Thầy mà sao lòng quy  
ngưỡng như sút giảm,  
Tình yêu thương và tri kiến thanh tịnh đối với  
bạn đồng tu cũng vui đi.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con chế ngự được tâm phóng  
đăng.

Con quy y, phát bồ đề tâm và khẩn nguyện,  
Nhưng lòng sùng mộ và từ bi lại chẳng hiện  
hữu tận đáy lòng.  
Thực hành Pháp chỉ là chuyện đầu môi chót  
lưỡi,  
Chỉ quay cuồng mà có gặt được kết quả chi.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để bất kỳ mỗi việc con làm đều sẽ  
thuận với Giáo Pháp.

Phiền não đến từ việc mưu cầu tư lợi,  
Người ta nói có thể tròn Phật đạo nhờ vào ý  
nguyện cứu giúp chúng sinh.

Ngoài thì phát bồ đề tâm, nhưng trong thì ngấp  
lòng vị kỷ,  
Đã không giúp được [kẻ khác] lại còn gây hãm  
hại [cho người].  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con có thể hoán chuyển ta và  
người.

Tuy Bốn sư là hiện thân đích thực của Phật đà,  
Con lại nghĩ Thầy chỉ là phàm phu.  
Quên mất lòng từ của Thầy khi trao truyền giáo  
huấn thâm sâu.  
Niềm tin của con giảm thiểu nếu Thầy không  
ban cho điều con muốn.  
Mắt bị che mờ, con xét đoán Thầy với lòng nghi  
mạn.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để lòng sùng kính đạo sư mãi  
tăng không giảm.

Mặc dù *tâm* tức là *Phật* nhưng con vẫn chưa  
nhận ra.

Mặc dù ý tức là *Pháp giới* nhưng con vẫn không thấu hiểu.

Mặc dù *bẩm sinh không tạo tác* nhưng con vẫn không an trú được.

Mặc dù *nền tảng căn bản vốn như nhiên* nhưng con vẫn còn nghi ngờ.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để giác tánh bản nhiên sẽ [tự tan hoà,] tự giải thoát.

Mặc dù cái chết chắc chắn sẽ đến, điều ấy chẳng thể thấm nhập tâm con.

Mặc dù thực hành Giáo Pháp chắc chắn sẽ mang lại lợi lạc, con lại chẳng thể thực hành.

Mặc dù luật nhân quả chắc chắn không sai, con chẳng phân biệt được đúng sai.

Mặc dù chánh niệm chắc chắn là cần thiết, con chẳng thể thực hành vì luôn tác ý.

Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.

Xin hãy mở rộng lòng từ bi.

Xin hãy gia hộ để con giữ được sự tỉnh thức không xao lãng.

Do ác nghiệp đã tạo đời trước, con sinh ra vào  
cuối thời mạt pháp này.  
Tất cả những gì con tạo tác đều chỉ dẫn đến khổ  
đau.  
Tác động tiêu cực của kẻ khác phủ chụp bóng  
tối lên con.  
Công phu tu tập thường bị gián đoạn bởi các  
câu chuyện phiếm vô bổ.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con có thể kiên trì thực hành  
Giáo Pháp.

Khởi đầu con chẳng nghĩ đến gì khác ngoài Giáo  
Pháp,  
Nhưng cuối cùng, nghiệp báo lại chỉ là luân hồi  
và đọa sinh vào cõi thấp.  
Mùa màng giải thoát bị tàn phá bởi băng giá ác  
hạnh,  
Như một kẻ cuồng si, con phá hỏng những gì  
đem đến lợi lạc vĩnh hằng.  
Thầy ơi, xin hãy nhớ nghĩ đến con.  
Xin hãy mở rộng lòng từ bi.  
Xin hãy gia hộ để con viên thành Giáo Pháp tối

thượng.

Xin hãy gia hộ để tâm xả ly bén rễ sâu tận đáy lòng.

Xin hãy gia hộ để con không phí phạm thời gian, dẹp bỏ được những mưu toan thế tục.

Xin hãy gia hộ để cái chết thấm nhập tâm can.

Xin hãy gia hộ để con hoàn toàn tin tưởng vào luật nhân quả.

Xin hãy gia hộ để đường tu không còn chướng ngại.

Xin hãy gia hộ để con có thể tinh tấn tu hành.

Xin hãy gia hộ cho gian khó trở thành phương tiện.

Xin hãy gia hộ cho con luôn kiên định với đây đủ phương thuốc đối trị.

Xin hãy gia hộ cho con có được lòng quy ngưỡng chí thành.

Xin hãy gia hộ cho con trực diện được Chân tánh.

Xin hãy gia hộ cho giác tánh bản nhiên bùng

khởi trong tâm.

Xin hãy gia hộ cho mọi kinh nghiệm mê lầm đều  
được bừng rỗi.

Xin hãy gia hộ cho con trọn thành Phật đạo chỉ  
trong một đời.

Ôi, Đạo sư tôn quý, con khẩn nguyện Thầy.

Ôi, Pháp vương từ ái, con mong mỗi kêu cầu  
ngài.

Phước mỏng, nghiệp dày, niềm hy vọng duy  
nhất của con là Thầy.

Xin hãy gia hộ cho tâm thức Thầy trò quyện hòa  
làm một.

---

*Trên đây là trích đoạn [phần thứ nhì] của tác phẩm  
“Gọi Thầy Từ Chốn Ngàn Xa” của Jamgon Kongtrul  
Rinpoche, Lodro Thaye (1813-1899)(Karma Kagyu).*

*Ghi chú của tác giả [Jamgon Kongtrul Rinpoche]:  
Mặc dù từ rất lâu nay, có nhiều hành giả với lòng sùng  
mộ chí thành đã khuyến khích tôi sáng tác một tài liệu  
như thế này, nhưng tôi đã lo là không thực hiện việc  
ấy. Mới đây, do sự khẩn nài của cả hai vị Samdrup  
Dronma, một nữ hành giả cao quý, cũng như Deva*

## TUYỂN TẬP RIMÉ I: Tinh Thần Bất Bộ Phái

*Rakshita, thi kệ trên đây đã được viết ra bởi Lodro Thaye, một kẻ chỉ thuần túy mang trên mình hình dạng một lat ma của thời đại đen tối, tại trung tâm hành trì vĩ đại có tên Dzongsho Deshek Dupa. Nguyên thiện đức luôn tăng trưởng!*

*Ghi chú của dịch giả [Anh ngữ]:*

*Để hoàn thành ước nguyện của Tulku Urgyen Rinpoche, bản dịch [Anh ngữ] đã được thực hiện như một phẩm vật cúng dường từ ba đệ tử: Erik Pema Kunsang, Ian Saude and Michael Tweed (Ranjung Yeshe Translations & Publications, Nepal). Chúng tôi xin đồng cảm tạ Nalanda Translation Committee, Ringu Tulku và Michelle Martin đã thực hiện những bản phiên dịch trong quá khứ.*

*Nguyện [tái sinh của] Tulku Urgyen Rinpoche mau chóng trở lại!*

*Tiểu Nhỏ và Tâm Bảo Đàn đồng tâm chuyển Việt ngữ và hoàn tất vào ngày 27 tháng 10, 2010 với tất cả tấm lòng thành hướng về suối nguồn tâm bao la của Jamgon Kongtrul Rinpoche, Lodro Thaye cùng tất cả những hóa thân của ngài trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Thầy Chúc Khả soát bản thảo và góp ý.*

*<http://www.jamgonkongtrul.org>*